

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH

*(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7140231

Nghệ An, 2021

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	3
DANH SÁCH BẢNG.....	1
DANH SÁCH HÌNH.....	4
PHẦN 1. GIỚI THIỆU.....	5
1.1. Trường Đại học Vinh	5
1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển.....	5
1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục	5
1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ	6
1.2. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ.....	7
PHẦN 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	10
2.1. Thông tin chung	10
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	Error! Bookmark not defined.
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Error! Bookmark not defined. 1
2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	Error! Bookmark not defined. 4
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	Error! Bookmark not defined. 5
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	155
2.7. Các hình thức đánh giá.....	177
2.8. Đánh giá kết quả học tập.....	199
2.9. Đối sánh chương trình đào tạo	1921
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	3232
3.1. Cấu trúc chương trình.....	3232
3.2. Các học phần theo mô-đun.....	3232
3.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT	3535
3.4. Kế hoạch giảng dạy	35
3.5. Ma trận kỹ năng	3940
PHẦN 4. MÔ TẢ HỌC PHẦN	4941
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	80
5.1. Căn cứ pháp lý.....	890
5.2. Đối với bộ môn quản lý ngành Sư phạm tiếng Anh.....	880
5.3. Đối với giảng viên.....	8981
5.5. Đối với sinh viên.....	Error! Bookmark not defined. 1
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	82
PHỤ LỤC 2: CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	88
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN	92
PHỤ LỤC 4: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS).....	95

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CĐR	Chuẩn đầu ra
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
SPTA	Sư phạm tiếng Anh
THPT	Trung học phổ thông

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập..... 155

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT 188

Bảng 2.4. Thang điểm đánh giá học phần..... 20

Bảng 2.5. Thành phần và điểm đánh giá học phần 209

Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CDR của CTĐT..... 3231

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT..... 3534

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH..... 3635

Bảng phụ 1.1. Đội ngũ giảng dạy cho CTĐT ngành SP tiếng Anh..... 72

Bảng phụ 1.2. Đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành tiếng Anh..... 78

Bảng phụ 2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy..... 68

Bảng phụ 2.2. Phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành 94

Bảng phụ 3.1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần..... 72

Bảng phụ 4.1. Rubric 1 - Đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá)..... 87

Bảng phụ 4.2. Rubric 2 - Đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá).... 87

Bảng phụ 4.3. Rubric 3 - Đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) 88

Bảng phụ 4.4. Rubric 4 - Đánh giá giáo án 89

Bảng phụ 4.5. Rubric 5 - Đánh giá thực hành giảng dạy 90

Bảng phụ 4.6. Rubric 6 - Đánh giá Kỹ năng thuyết trình theo chủ đề 90

Bảng phụ 4.7. Rubric 7 - Đánh giá kỹ năng tập giảng 92

Bảng phụ 4.8. Rubric 8 - Đánh giá Kỹ năng thuyết trình và slide trình chiếu 93

Bảng phụ 4.9. Rubric 9 - Đánh giá Kỹ năng giao tiếp hoạt động nhóm & thuyết trình..... 94

Bảng phụ 4.10. Rubric 10 - Đánh giá dự án học phần 95

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh..... 6

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Trường Đại học Vinh

1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục lần thứ 2 vào năm 2017.

Trải qua 62 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1979), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1995), Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm 2001), Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm 2007), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009, năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (năm 2019) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á.

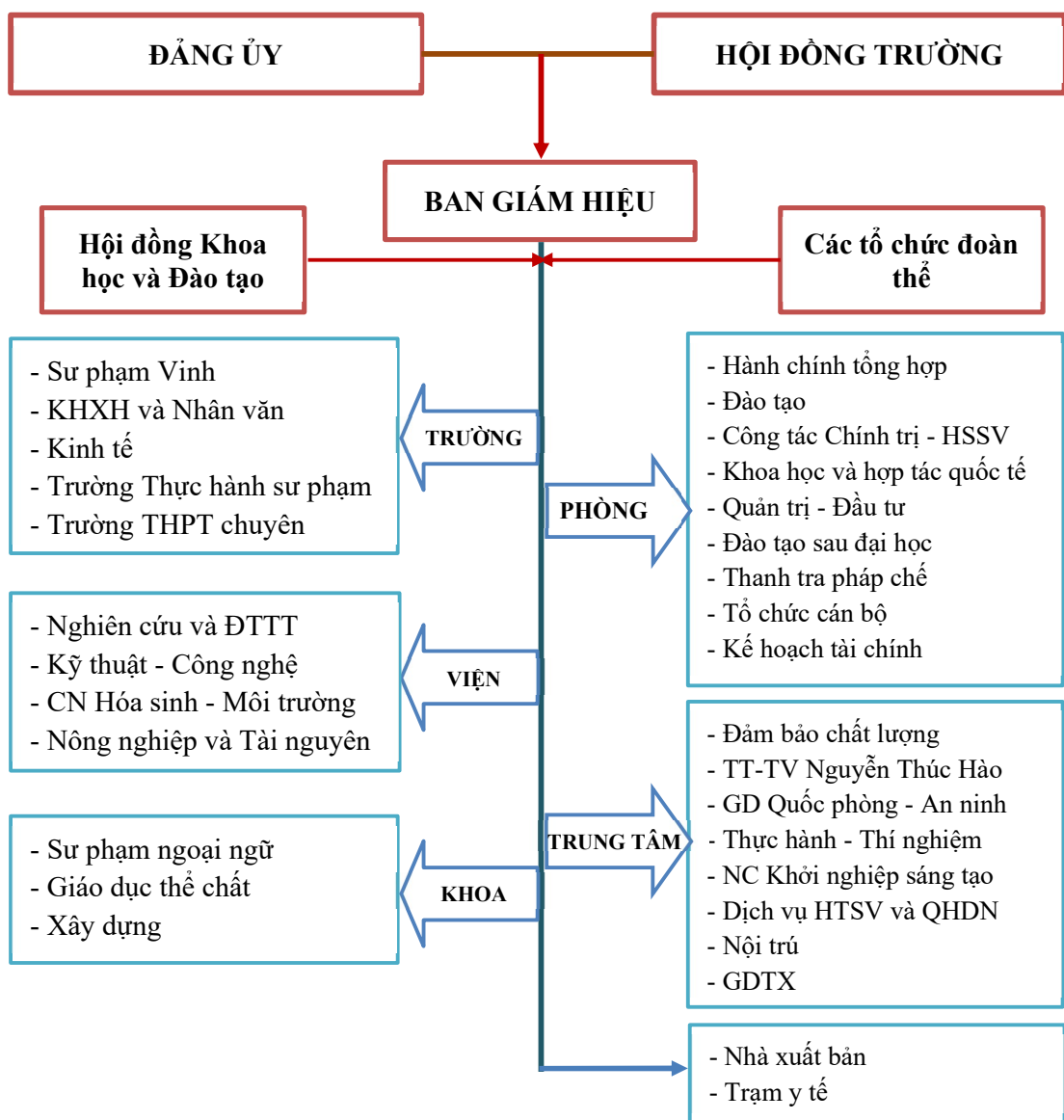
- **Mục tiêu tổng quát:** Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực (honesty), trách nhiệm (accountability), say mê (passion), sáng tạo (creativity), hợp tác (collaboration).

- **Triết lý giáo dục:** HỢP TÁC (collaboration), SÁNG TẠO (creativity) - với ý nghĩa được thể hiện như sau:

HỢP TÁC	1) Trường Đại học Vinh xác định HỢP TÁC trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. HỢP TÁC là sự tôn trọng khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. HỢP TÁC là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan. 2) Trường Đại học Vinh tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác.
----------------	--

SÁNG TẠO	1) Trường Đại học Vinh xem SÁNG TẠO là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. SÁNG TẠO là tạo ra những tri thức và giá trị mới. SÁNG TẠO là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến. 2) Trường Đại học Vinh đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "<i>Hình thành ý tưởng – Thiết kế – Triển khai – Vận hành</i>" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.
-----------------	--



Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- **Cơ cấu tổ chức:** Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh được mô tả như Hình 1.1. Hiện nay, Trường đào tạo 55 ngành trình độ đại học, 37 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 17 chuyên ngành trình độ tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên, là một trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước, và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.

- **Đội ngũ cán bộ:** Trường Đại học Vinh hiện có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 731 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 256 tiến sĩ, 504 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ của Trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước. Cùng với hoạt động đào tạo, đội ngũ giảng viên luôn chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ đã triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp, trong năm 2020 đội ngũ cán bộ của Trường đã công bố trên 150 bài báo thuộc danh mục Web of Science và Scopus. Trường Đại học Vinh luôn nằm trong top 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

1.2. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

1.2.1. Thông tin chung về Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

Ngày 27 tháng 10 năm 1994, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 3090/GD-ĐT thành lập khoa Ngoại Ngữ giảng dạy bốn thứ tiếng phổ biến: Anh, Pháp, Nga, và Trung Quốc.

Tên giao dịch quốc tế: Foreign Languages Department

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: khoangoaingu@vinhuni.edu.vn

Điện thoại:

1.2.2. Sơ lược lịch sử Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

Ngày 27 tháng 10 năm 1994, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 3090/GD-ĐT thành lập khoa Ngoại Ngữ. Chức năng nhiệm vụ chủ yếu của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ là: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và sau đại học khối ngành Ngoại ngữ phục vụ sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục, xã hội của đất nước; Nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ngôn ngữ, giáo dục; Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Từ năm 2009 đến nay, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã đào tạo 12 khóa trình độ thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh trong đó có 11 khóa đã tốt nghiệp. Nhiều học viên tốt nghiệp đã trở thành cán bộ cốt cán của các sở, ban, các trường phổ thông của tỉnh, huyện. Năm học 2020-2021, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đào tạo 02 mã ngành đại học chính quy: Sư phạm Anh, Ngôn ngữ Anh, 01 mã ngành đào tạo thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh.

1.3.3. Chức năng, nhiệm vụ

- Chức năng:

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành tiếng Anh phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục của đất nước. Sinh viên tốt nghiệp từ khoa Sư phạm Ngoại ngữ có thể thành đạt ở nhiều ngành nghề khác nhau như biên phiên dịch, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, truyền hình, giảng dạy, kinh doanh, v.v.

- Nhiệm vụ:

- + Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- + Đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Anh, Cử nhân Ngôn ngữ Anh.
- + Đào tạo trình độ Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh.
- + Giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của các Viện, Khoa đào tạo trong toàn trường.
- + Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế, giáo dục, văn hóa - xã hội của địa phương và đất nước.
- + Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy cho giáo viên các bậc học.
- + Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.
- + Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.
- + Thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Ngoại ngữ quốc gia

1.3.4. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- Cơ cấu về số lượng: Tổng số: 55; Cán bộ giảng dạy: 49; Chuyên viên: 05
- Cơ cấu về trình độ: 02 PGS.TS, 09 TS, 01 nghiên cứu sinh nước ngoài, 15 giảng viên chính, và 36 thạc sĩ.
- Ban lãnh đạo khoa:
- + Trưởng khoa, Bí thư Đảng ủy bộ phận: TS. Nguyễn Thị Kim Anh
- + Phó Trưởng khoa, Bí thư chi bộ cán bộ: TS. Nguyễn Hữu Quyết
- + Phó Trưởng khoa: Th.S. Phan Thị Hương
- Hội đồng Khoa gồm có 11 thành viên

1.3.5. Hoạt động đào tạo

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Khoa luôn xác định hoạt động đào tạo là hoạt động cơ bản và có ý nghĩa sống còn. Hoạt động đào tạo của Khoa được biểu hiện ở các nội dung cơ bản như sau:

- Hệ đại học:

Đây được xem là hệ đào tạo xương sống của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ. Từ khi thành lập Khoa (1994) đến nay, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo hệ cử nhân Sư phạm tiếng Anh, cử nhân Ngôn ngữ Anh, cử nhân Sư phạm tiếng Pháp. Đến thời điểm hiện tại, Khoa đã đào tạo được 5.109 sinh viên, trong đó: 129 học viên cao học, 2.099 sinh viên chính quy, 2.382 học viên vừa làm vừa học, 463 sinh viên liên kết đào tạo du học bán phần tại các trường đại học Trung Quốc, 36 sinh viên Thái Lan. Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau khi ra trường gần 100% ở các lĩnh vực của đời sống xã hội. Số sinh viên đang học tập tại Khoa hiện nay có 1.042 người: 779 sinh viên chính quy, 47 sinh viên Thái Lan, 37 học viên cao học, 184 học viên học văn bằng 2. Sau 27 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng nhiều. Nhiều đồng chí hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa ngày càng mở rộng.

Khoa đã xây dựng khung chương trình, chương trình và đề cương chi tiết các học phần cho tất cả 02 mã ngành đào tạo Đại học. Tất cả các chương trình này được xây dựng mang tính khoa học và cập nhật. Đến nay, giảng viên của Khoa đã biên soạn gần 34 giáo trình, 11 sách tham khảo phục vụ cho hoạt động đào tạo. Từ năm học 2007- 2008, cùng với toàn Trường, các ngành đào tạo chính quy của Khoa đã chuyển sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Khoa cũng đã công bố được chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đại học chính quy do Khoa quản lý.

Hoạt động đào tạo hệ đại học chính quy của Khoa luôn được thực hiện đúng quy chế, đúng kế hoạch. Các hoạt động dạy, học, thi và đánh giá được tổ chức một cách cơ bản, khoa học, công bằng và khách quan.

- Hệ đào tạo Sau đại học:

Từ năm 2009, ngoài tuyển sinh 02 mã ngành Đại học chính quy, 02 mã ngành đào tạo vừa làm vừa học, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ chính thức đào tạo 01 mã ngành đào tạo Thạc sĩ. Đến nay, Khoa đã và đang đào tạo 12 khóa Thạc sĩ trong đó có 09 khóa đã tốt nghiệp. Số lượng học viên cao học tăng nhanh qua các năm cho thấy nhu cầu học cao học khối ngành tiếng Anh ở Nghệ An nói riêng và khu vực Bắc Trung Bộ đang rất cấp thiết.

1.2.6. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng dạy học và phục vụ các mục tiêu kinh tế, giáo dục, văn hóa - xã hội của địa phương. Hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng dạy tập trung vào các mảng chủ yếu sau đây:

- Nghiên cứu, biên soạn các giáo trình phục vụ công tác đào tạo. Tính đến nay (năm 2020), cán bộ giảng dạy của khoa đã biên soạn và tham gia biên soạn được 34 giáo trình, 11 sách tham khảo.

- Biên soạn và tham gia biên soạn các tài liệu tham khảo cho sinh viên và học viên Cao học.

- Viết và đăng tải các bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học quốc tế ESCI (ISI) và Scopus (Q1, Q2, Q3, Q4) và các tạp chí chuyên ngành như: Tạp chí Ngôn ngữ, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, Tạp chí Giáo dục, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh... Cán bộ giảng dạy của Khoa đã đăng tải trên 1500 bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước.

- Tổ chức và tham gia các Hội thảo cấp quốc tế, quốc gia và khu vực nhằm trao đổi những vấn đề học thuật và kinh nghiệm giảng dạy, đào tạo. Khoa đã tổ chức thành công nhiều Hội thảo khoa học, trong đó có 02 Hội thảo Quốc tế VinhTESOL. Tất cả những hội thảo đó đã đóng góp nhiều ý nghĩa quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Khoa cũng như góp phần phát triển văn hóa, giáo dục của địa phương.

- Cán bộ giảng dạy Khoa đã chủ nhiệm và tham gia thực hiện nhiều đề tài đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh.

1.2.7. Cơ sở vật chất và khen thưởng

- Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

- Trải qua 26 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã được khen thưởng:

- + Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc hàng năm
- + Tập thể lao động giỏi
- + 01 Bằng khen của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An
- + 01 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- + Nhiều Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và giấy khen Tỉnh Đoàn cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên

PHẦN 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1. Tên ngành đào tạo:	Sư phạm tiếng Anh (English Language Teacher Education)
2. Mã số ngành đào tạo:	7140231
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Thời gian đào tạo:	04 năm
5. Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Sư phạm tiếng Anh
6. Đơn vị được giao nhiệm vụ:	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh
7. Hình thức đào tạo:	Chính quy – Tập trung
8. Số tín chỉ yêu cầu:	126
9. Thang điểm:	4
10. Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt và tiếng Anh
11. Ngày tháng ban hành:	10/09/2021
12. Phiên bản chỉnh sửa:	Phiên bản 2

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát:

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có: kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; phẩm chất nhà giáo và năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường đa văn hóa; năng lực sử dụng các phương pháp dạy học môn tiếng Anh; và năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và phát triển chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu về công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Mục tiêu cụ thể:

PO1.	Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh, kiến thức về khoa học giáo dục, kiến thức nâng cao về ngôn ngữ Anh và phương pháp giảng dạy tiếng Anh vào các lĩnh vực dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học
PO2.	Vận dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học
PO3.	Vận dụng kỹ năng giao tiếp và hợp tác vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng sự thay đổi của yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp
PO4.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/ phát triển/ cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sinh viên tại thời điểm tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm tiếng Anh có khả năng:

CDR	Mô tả Chuẩn đầu ra
PLO1.1.	Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) vào công tác dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học
PLO1.2.	Vận dụng kiến thức chuyên ngành sư phạm và sư phạm tiếng Anh trong dạy học môn tiếng Anh, giáo dục, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học
PLO1.3.	Vận dụng kiến thức nâng cao về ngôn ngữ Anh, phương pháp giảng dạy tiếng Anh và phát triển chương trình môn học vào công tác dạy học môn tiếng Anh, nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp
PLO2.1.	Vận dụng các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học
PLO2.2.	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và giáo dục học sinh
PLO3.1.	Vận dụng kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học
PLO3.2.	Sử dụng kỹ năng giao tiếp đa phương thức và kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ 2 trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học trong môi trường đa văn hóa
PLO4.1.	Phân tích bối cảnh xã hội và nhà trường phổ thông
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
PO1	✓	✓	✓						
PO2				✓	✓				
PO3						✓	✓		
PO4								✓	✓

• **Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT**

PO1	Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh, kiến thức về khoa học giáo dục, kiến thức nâng cao về ngôn ngữ Anh và phương pháp giảng dạy tiếng Anh vào các lĩnh vực dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học
PLO1.1	<i>Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) vào công tác dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học</i>
1.1.1	<i>Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để thực hiện hiệu quả công tác dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học</i>
1.1.2	<i>Vận dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) vào dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học</i>
1.1.3	<i>Vận dụng kiến thức văn hóa Việt nam, văn hóa- chính trị - xã hội các nước nói tiếng Anh và kỹ năng biên dịch vào dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học</i>
PLO1.2	<i>Vận dụng kiến thức chuyên ngành sư phạm và sư phạm tiếng Anh trong dạy học môn tiếng Anh, giáo dục, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học</i>
1.2.1	<i>Vận dụng kiến thức về quy luật phát triển nhận thức, tâm lí, trí tuệ, xã hội và thể lực có ảnh hưởng đến học tập của học sinh để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học môn tiếng Anh và giáo dục học sinh</i>
1.2.2	<i>Vận dụng kiến thức về dạy học và giáo dục, phương pháp dạy học, kiểm tra - đánh giá để thực hiện hiệu quả công tác dạy học môn tiếng Anh, công tác giáo dục và phát triển nghề nghiệp</i>
1.2.3	<i>Vận dụng kiến thức về các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp và văn hóa nhà trường để tổ chức và thực hiện hiệu quả công tác dạy giáo dục, tư vấn và hướng nghiệp cho học sinh</i>
PLO1.3	<i>Vận dụng kiến thức nâng cao về ngôn ngữ Anh, phương pháp giảng dạy tiếng Anh và phát triển chương trình môn học vào công tác dạy học môn tiếng Anh, nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp</i>
1.3.1	<i>Vận dụng kiến thức tiếng Anh nâng cao và lý luận ngôn ngữ Anh vào công tác dạy học môn tiếng Anh, nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp</i>
1.3.2	<i>Vận dụng kiến thức viết khoa học, phương pháp giảng dạy tiếng Anh chuyên sâu, và phát triển chương trình và học liệu môn tiếng Anh vào công tác dạy học môn tiếng Anh, nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp</i>
PO2	Vận dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học

PLO2.1	Vận dụng các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học
2.1.1.	<i>Vận dụng</i> tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học cơ bản về ngôn ngữ và khoa học giáo dục
2.1.2.	<i>Vận dụng</i> kỹ năng tự học vào quá trình đào tạo, phát triển bản thân và phát triển chuyên môn đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp
2.1.3	<i>Vận dụng</i> kỹ năng về công nghệ, công nghệ thông tin và học liệu số vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học
2.1.4	<i>Vận dụng</i> kỹ năng dạy học vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục
2.1.5	<i>Vận dụng</i> kỹ năng giáo dục để rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục văn hóa, thân thiện, dân chủ, lành mạnh, và an toàn
PLO2.2	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và giáo dục học sinh
2.2.1	<i>Thể hiện</i> đạo đức và phẩm chất nhà giáo trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và công tác giáo dục học sinh
2.2.2	<i>Thể hiện</i> phong cách nhà giáo trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và công tác giáo dục học sinh
PO3	Vận dụng kỹ năng giao tiếp và hợp tác vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng sự thay đổi của yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp
PLO3.1	Vận dụng kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học
3.1.1	<i>Vận dụng</i> kỹ năng hợp tác để tham gia hiệu quả vào các hoạt động hợp tác và học tập cộng tác để cùng nhau hướng tới một mục tiêu dạy học, giáo dục và nghiên cứu tiếng Anh đáp ứng yêu cầu của công việc và phát triển nghề nghiệp
3.1.2	<i>Vận dụng</i> kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện hiệu quả các tương tác giữa thành viên nhóm nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao và thúc đẩy môi trường làm việc mang tính xây dựng
PLO3.2	Sử dụng kỹ năng giao tiếp đa phương thức và kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ 2 trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học trong môi trường đa văn hóa
3.2.1	<i>Sử dụng</i> kỹ năng giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học trong môi trường đa văn hóa

3.2.2	<i>Sử dụng ngoại ngữ 2 bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong giao tiếp và các hoạt động phát triển chuyên môn trong môi trường đa văn hóa</i>
PO4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/ phát triển/ cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp
PLO4.1	Phân tích bối cảnh xã hội và nhà trường phổ thông
4.1.1	<i>Phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông, vai trò và trách nhiệm của giáo viên tiếng Anh để phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh</i>
4.1.2	<i>Phân tích bối cảnh nhà trường với các hoạt động dạy học và giáo dục để xây dựng văn hóa nhà trường, thực hiện quyền dân chủ và môi trường giáo dục an toàn trong trường học</i>
PLO4.2	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.
4.2.1	<i>Hình thành ý tưởng cho các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp</i>
4.2.2	<i>Thiết kế các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp</i>
4.2.3	<i>Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp</i>
4.2.4	<i>Cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp</i>

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- làm giáo viên tiếng Anh ở trường phổ thông và các cơ sở đào tạo tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân và quốc tế;
- làm giảng viên tiếng Anh ở trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học;
- làm việc trong lĩnh vực chuyên môn khác yêu cầu về kiến thức văn hóa, xã hội và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh có khả năng:

- tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp
- tham gia chương trình đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

Tuyển sinh đầu vào được đánh giá sau khi các thí sinh có kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia (được tổ chức bởi Bộ GD&ĐT) và nộp hồ sơ xét tuyển vào Trường hoặc xét tuyển học bạ. Dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng thí sinh nộp hồ sơ, tổ hợp các môn xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Trường xác định điểm chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào nhưng không thấp hơn điểm sàn quy định của Bộ GD&ĐT. Ngành SPTA tuyển sinh theo 2 phương thức: (i) dựa trên 04 tổ hợp các môn xét tuyển bao gồm: D01 (Toán - Văn - Tiếng Anh), D14 (Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh), D15 (Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh) và D66 (Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh), không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh; (ii) xét tuyển học bạ THPT, không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

Ngoài ra, Ngành SPTA xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng vào đại học chính quy được công bố trong Đề án tuyển sinh của Trường đại học Vinh.

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp: (i) cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập; (ii) hoàn thành 126 tín chỉ của CTĐT; (iii) điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; (iv) có chứng chỉ Ngoại ngữ B1, tương đương trình độ bậc 3/6 theo tham chiếu Châu Âu; (v) có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng, Giáo dục thể chất; (vi) hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường. Đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp.

Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Hoạt động dạy và học là yếu tố cốt lõi để đạt được các CDR học phần, từ đó đạt được các CDR của CTĐT. Các phương pháp giảng dạy được sử dụng để đạt được các CDR của CTĐT được mô tả trong Bảng 2.2.

Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	CDR								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Thuyết trình	√	√	√						
Vấn đáp	√	√	√						
Hướng dẫn	√	√	√						
Tự học	√	√	√	√	√		√		
Thảo luận	√	√	√						
Thực hành giảng dạy	√			√		√	√	√	√
Hoạt động nhóm	√	√	√	√		√	√		√
Nghiên cứu tình huống		√		√	√	√		√	√
Học dựa trên dự án				√	√	√	√	√	√

Đối với các học phần giáo dục đại cương (chính trị, văn hóa, khoa học xã hội, ngoại ngữ 2), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và dự án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các

hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và học dựa trên dự án. Những hoạt động này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và cải tiến hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học để đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp.

2.6.1. Thuyết trình

Thuyết trình là phương pháp dạy học bằng lời nói của người dạy để trình bày kiến thức mới hoặc tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Dạy học theo phương pháp thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà người học khó tự tìm hiểu được một cách sâu sắc; giúp người học hiểu được hình mẫu về cách tư duy logic, cách đặt và giải quyết vấn đề khoa học, cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt những vấn đề khoa học một cách chính xác, rõ ràng, súc tích thông qua cách trình bày của người dạy; tạo điều kiện phát triển năng lực chú ý và kích thích tính tích cực tư duy của người học, vì có như vậy người học mới hiểu được lời giảng của người dạy và mới ghi nhớ được bài học. Ngoài ra, thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt một khối lượng tri thức khá lớn cho nhiều người học trong cùng một lúc. Hình thức thuyết trình còn hướng đến việc phát triển năng lực ứng dụng CNTT và năng lực giao tiếp - hợp tác (các bài tập thuyết trình theo nhóm) vào quá trình thuyết trình.

2.6.2. Vấn đáp

Vấn đáp là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng hệ thống câu hỏi để dẫn dắt người học giải quyết nhiệm vụ học tập. Dạy học theo phương pháp vấn đáp đối với ngành SPTA có thể thực hiện theo cá nhân, cặp hoặc nhóm nhỏ. Các hoạt động này nhằm giúp người học củng cố, mở rộng, tổng kết và hệ thống hoá những tri thức đã tiếp thu được; kích thích tư duy độc lập của người học, giúp người học hiểu nội dung học tập; lôi cuốn người học vào quá trình học tập, tạo không khí học tập sôi nổi trong lớp học; hình thành và phát triển kỹ năng nói, diễn đạt ý tưởng của người học.

2.6.3. Tự học

Tự học là hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được quy định. Tự học giúp người học rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

2.6.4. Thảo luận

Thảo luận là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giáo viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới cho giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, có thể giúp người học rút ra được những giải pháp mới từ các ý kiến khác nhau. Ngoài ra, phương pháp này còn khiến người học chú tâm hơn đến các đề tài đang được thảo luận; giúp cho những ý tưởng và sự thể nghiệm của người học được tôn trọng; giúp cho người học hiểu rõ được những đặc điểm của quá trình thảo luận dân chủ; giúp người học phát triển khả năng trao đổi suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích và tổng hợp.

2.6.5. Thực hành

Thực hành được thực hiện tại phòng học giả định cho các hoạt động tập giảng, thực hành giảng dạy và được thiết kế trong các học phần chuyên ngành. Thực hành được tiến hành sau các giờ học lý thuyết nhằm mục đích giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng phân tích, tổng hợp; rèn luyện đức tính kiên trì và bồi dưỡng hứng thú nghiên cứu khoa

học. Đối với các HP về PPGD Tiếng Anh, người học được thực hành các năng lực giảng dạy tiếng Anh (Microteaching) theo nhóm với các bài học trong CTGD phổ thông cấp THPT.

2.6.6. Hoạt động nhóm

Hoạt động nhóm là một trong những phương pháp dạy nhằm phát huy tính tích cực của người học, lấy hoạt động của người học làm trung tâm. Hoạt động nhóm là cách thức trao đổi ý kiến, quan điểm giữa người học trong một nhóm với nhau và trong một khoảng thời gian nhất định về một vấn đề học tập hay một vấn đề của cuộc sống có liên quan đến nội dung học tập. Kết quả của từng nhóm sẽ được trình bày để thảo luận chung trước khi giáo viên đi đến kết luận cuối cùng. Hoạt động nhóm nhằm tạo cơ hội tối đa cho người học bộc lộ hiểu biết quan điểm của mình về nội dung, phương pháp học tập; rèn luyện khả năng diễn đạt, cách thức tư duy và ý tưởng của cá nhân; tạo điều kiện cho người học có thể học hỏi lẫn nhau; đề cao tinh thần hợp tác, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho người học; giúp cho giáo viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.

2.6.7. Nghiên cứu tình huống

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Trong phương pháp dạy học này giảng viên cung cấp cho sinh viên tình huống dạy học, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến. Nghiên cứu tình huống được lồng ghép vào các học phần đồ án - dự án được thiết kế trong chương trình đào tạo ngành SPTA.

2.6.8. Học dựa trên dự án

Học dựa trên dự án là phương pháp tổ chức dạy học thông qua các dự án hay đề tài thực tế. Người học được tạo điều kiện để thực hiện mới hoặc làm lại các đề tài hay nội dung khoa học mà nhà nghiên cứu đã tiến hành. Theo đó, người học sẽ cảm thấy rất hứng thú bởi họ được tham gia gần như “trực tiếp” vào trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Chính vì thế, quá trình tiếp thu kiến thức cũng diễn ra một cách tích cực. Người học không những được tiếp cận với thông tin mới mà còn được rèn luyện kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, đọc hiểu, tóm tắt, và trình bày các vấn đề khoa học.

Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án. Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO như: lập giả thiết, kỹ năng thiết kế - triển khai, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình.

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

2.7.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được CĐR của các học phần và từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của CTĐT. Ngành SPTA đánh giá sinh viên trong quá trình học tập dựa trên Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/09/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học.

Các học phần được đánh giá bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập), đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần. Các hình thức đánh giá được sử dụng để phù hợp với CĐR của CTĐT được mô tả như Bảng 2.3.

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR của CTĐT								
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
1. Ý thức và thái độ học tập	Rubrics	✓	✓	✓	✓		✓			✓
2. Hồ sơ học phần	Rubrics	✓	✓	✓	✓					
3. Thi vấn đáp	Đáp án Rubrics	✓	✓	✓	✓				✓	
4. Thi trắc nghiệm	Đáp án	✓	✓	✓						
5. Thi tự luận	Đáp án Rubrics	✓	✓	✓	✓			✓	✓	
6. Thi thực hành	Rubrics				✓	✓			✓	✓
7. Viết báo cáo	Rubrics						✓	✓		✓
8. Thuyết trình báo cáo	Rubrics					✓		✓		✓
9. Sản phẩm dự án	Rubrics				✓		✓	✓	✓	✓
10. Hoạt động nhóm	Rubrics	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓

2.7.1.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3 hoặc Rubric 4 tùy thuộc vào các học phần lý thuyết hay học phần có thực hành/dự án.

2.7.1.2. Đánh giá hồ sơ học phần

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

2.7.1.3. Đánh giá theo hình thức vấn đáp

Đánh giá theo hình thức vấn đáp là một trong những hình thức kiểm tra đánh giá được sử dụng trước, trong và sau giờ giảng để kiểm tra tri thức sinh viên đạt được một cách nhanh gọn, kịp thời để có thể bổ sung củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Hoặc được áp dụng trong quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên dưới hình thức sinh viên bốc thăm câu hỏi hoặc giảng viên đặt câu hỏi, sinh viên trả lời trực tiếp. Nó cũng giúp học sinh tự kiểm tra tri thức của mình thông qua vấn đáp. Tùy theo mục đích đánh giá mà sử dụng các hình thức vấn đáp khác nhau.

2.7.1.4. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

2.7.1.5. Đánh giá theo hình thức tự luận

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

2.7.1.6. Đánh giá theo hình thức thực hành

Sinh viên phải thực hiện các thao tác hoặc bài thực hành liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng từ 0 đến 10. Các tiêu chí đánh giá của các học phần có thực hành được thể hiện trong Bảng Rubric 4, Rubric 5 và Rubric 6.

2.7.1.7. Đánh giá viết báo cáo

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric 7.

2.7.1.8. Đánh giá thuyết trình

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong Bảng Rubric 7.

2.7.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/09/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học.

2.7.2.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của CTĐT được quy định như Bảng 2.4.

Bảng 2.4. Thang điểm đánh giá học phần

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4	
A	8.5 – 10.0	4.0	
B+	8.0 – 8.4	3.5	
B	7.0 – 7.9	3.0	
C+	6.5 – 6.9	2.5	
C	5.5 – 6.4	2.0	
D+	5.0 – 5.4	1.5	
D	4.0 – 4.9	1.0	
F	< 4.0	0.0	

2.7.2.2. Điểm đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như quy định trong Bảng 2.5.

Bảng 2.5. Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỷ lệ
1. Đánh giá quá trình	50%
<i>1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập</i> - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
<i>1.2. Đánh giá hồ sơ học phần</i> - Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập, .. - Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.	20%
<i>1.3. Đánh giá giữa kỳ</i> - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	20%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - <i>Học phần chỉ có lý thuyết</i>: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...) - <i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i>: điểm đánh giá cuối kỳ là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - <i>Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án</i>: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	50%
3. Công thức tính điểm học phần <i>3.1. Học phần chỉ có lý thuyết</i> Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + a_4 \times 0.5.$ Trong đó, a: điểm học phần; a_1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a_2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a_3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a_4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. <i>3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i> - Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân. <i>3.3. Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án:</i> $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + (a_4 * m + a_5 * n) * 0.5 / (m + n).$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a_1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a_2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a_3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a_4: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a_5: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án. <i>3.4. Học phần thực tập cuối khóa:</i> - Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a_1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a_2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.	

2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

2.8.1. Đối sánh mục tiêu chương trình đào tạo

BẢNG 1: ĐỐI SÁNH MỤC TIÊU VỚI SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, TRIẾT LÝ GD CỦA NHÀ TRƯỜNG VÀ VỚI VĂN BẢN NHÀ NƯỚC

	Dự thảo Mục tiêu chương trình đào tạo	Đối sánh với sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý GD của Nhà trường, các văn bản của Nhà nước		
		Tầm nhìn, Sứ mạng và Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh	Luật giáo dục đại học năm 2018 (Số: 42/VBHN-VPQH)	Mô tả nội dung trình độ Bachelor của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016)
Mục tiêu tổng quát	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ Bachelor 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); có năng lực sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học môn tiếng Anh và năng lực giao tiếp-hợp tác trong môi trường đa văn hóa; có phẩm chất nhà giáo và năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế hoạt động dạy học và giáo dục, đánh giá và phát triển chương trình tiếng Anh ở cấp trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.	- Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi “hợp tác - sáng tạo” là năng lực cốt lõi của cá nhân - Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: “Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần vào sự phát triển của quốc gia và quốc tế.”	- Phù hợp với điểm b, khoản 2, Điều 5 về Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học: “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo;”	- Phù hợp với điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quyết định 1982 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ năng lực quốc gia (Bachelor 6 - Đại học)
Mục tiêu cụ thể	<u>Mục tiêu 1:</u> Vận dụng kiến thức và lập luận ngành trong hoạt động giáo dục và đào tạo <u>Mục tiêu 2:</u> Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong môi trường giáo dục và đào tạo <u>Mục tiêu 3:</u> Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong môi trường giáo dục đa văn hóa <u>Mục tiêu 4:</u> Thể hiện năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn tiếng Anh cấp THPT	- Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi “hợp tác - sáng tạo” là năng lực cốt lõi của cá nhân - Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: “Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần	- Phù hợp với điểm b, khoản 2, Điều 5 về Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học: “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề	- Phù hợp với điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quyết định 1982 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ năng lực quốc gia (Bachelor 6 - Đại học)

		vào sự phát triển của quốc gia và quốc tế.”	thuộc ngành được đào tạo;”	
--	--	---	----------------------------	--

BẢNG 2: ĐỐI SÁNH MỤC TIÊU CTĐT CỦA NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH VỚI CÁC TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Trường	Trường Đại học Vinh	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Đại học Sư phạm Hồng Kông (The Education University of Hong Kong)	Phân tích đối sánh
Mục tiêu	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có (1) kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ Bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; (2) phẩm chất nhà giáo và năng lực giao tiếp-hợp tác trong môi trường đa văn hóa (3) năng lực sử dụng các phương pháp dạy học môn tiếng Anh; (4) năng lực thực hiện quy trình thiết kế, dạy học, đánh giá và phát triển chương trình tiếng Anh ở cấp trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.	Chương trình cử nhân Sư phạm tiếng Anh đào tạo ra những cử nhân (giáo viên ở bậc Trung học phổ thông, Đại học và Cao đẳng) có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu); được trang bị tri thức về hoạt động dạy, sự hiểu biết về người học trong những hoàn cảnh cụ thể; có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng bổ trợ như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế, mà ở đó tiếng Anh được giảng dạy; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành cán bộ giảng dạy giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh nói riêng và ngành sư phạm nói chung.	Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh trở thành những giáo viên có khả năng (1) thực hiện vai trò trung gian giữa lý thuyết và thực hành trong việc giảng dạy tiếng Tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai với các kiến thức minh họa trong tổ chức lớp học, xây dựng chương trình giảng dạy, thiết kế sách giáo khoa và đánh giá ngôn ngữ; (2) thể hiện sự hiểu biết tốt về Sư phạm tiếng Anh và phát triển trình độ cao về các kỹ năng tiếng Anh; (3) thể hiện khả năng giao tiếp hiệu quả với các diễn giả đến từ các vùng văn hóa khác nhau, cộng với kỹ năng phân tích các vấn đề và mối quan tâm trong việc sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh đa ngôn ngữ và toàn cầu hóa; và (4) cải thiện như những nhà tư tưởng phân biệt với các tiêu chuẩn cao về đạo đức và như những người học phản chiếu, người luôn có thể tự cải thiện chính mình	- Mục tiêu đào tạo của ngành Sư phạm tiếng Anh của Trường ĐH Vinh và của Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN có sự tương thích, tương đồng, đặc biệt về năng lực tiếng và kiến thức chuyên sâu cũng như kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực nghề nghiệp theo định hướng của ngành đào tạo. - Mục tiêu đào tạo của ngành Sư phạm tiếng Anh Trường ĐH Vinh và của ĐH Sư phạm Hồng Kông tương đồng về kiến thức, kỹ năng tiếng Anh và kỹ năng-chiến lược giảng dạy tiếng Anh và các kỹ năng cần thiết khác như kỹ năng phân biện, kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa., Tuy nhiên, mô hình đào tạo của ĐH Sư phạm Hồng Kông theo mô hình phương Tây (Anh Quốc) theo triết lý của giáo dục khai phóng, trong đó coi trọng việc đào tạo công dân toàn cầu nên mục tiêu nhấn mạnh tư duy phân biện với các tiêu chuẩn cao, khả năng tự học và tự thay đổi bản thân, tầm nhìn toàn cầu và yếu tố đa văn hóa. Tuy vậy, mục tiêu của ngành Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Vinh tiếp cận đối sánh với mục tiêu CTĐT này của ĐH Sư phạm Hồng Kông là phù hợp, để tiếp cận và có chiều hướng phát triển CTĐT ngành Sư

			thông qua việc học tập suốt đời.	phạm tiếng Anh của Nhà trường.
--	--	--	----------------------------------	--------------------------------

2.8.2. Đối sánh dự thảo CDR

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)
TT	Chủ đề chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra CTĐT
	<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh có khả năng:</i>	<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh có khả năng:</i>
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH
1.1	Kiến thức cơ bản	1.1. Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, tâm lý học, giáo dục học, CNTT, và kiến thức ngành sư phạm vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống
1.1.1	Nhận biết những vấn đề cơ bản về lý luận chính trị	1.1.1. Vận dụng những vấn đề cơ bản về chính trị học trong hoạt động nghề nghiệp
1.1.2	Vận dụng kiến thức ngành sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp	1.1.2. Vận dụng kiến thức ngành sư phạm, tâm lý học và giáo dục học trong hoạt động hoạt động nghề nghiệp
1.1.3	Sử dụng tiếng Pháp trong học tập và giao tiếp từ bậc 2 đến bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	1.1.3. Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu
1.1.4	Sử dụng công nghệ thông tin trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu	1.2. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành về ngôn ngữ Anh, văn hóa, chính trị - xã hội và lý luận ngôn ngữ Anh vào thực tế dạy học môn tiếng Anh cấp THPT
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành	1.2.1. Vận dụng kiến thức tiếng Anh tổng quát bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), kiến thức tiếng Anh chuyên sâu
1.2.1	Sử dụng tiếng Anh tổng hợp từ cuối bậc 2 đến đầu bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	1.2.2. Vận dụng kiến thức về lý luận ngôn ngữ Anh, giao văn hóa, văn học Anh và kỹ năng chuyển dịch ngôn ngữ Anh-Việt, Việt-Anh
1.2.2	Sử dụng kỹ năng tiếng Anh từ bậc 4 đến bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)	1.2.3. Vận dụng kiến thức tiếng Anh chuyên ngành du lịch, kinh tế, văn phòng
1.2.3	Giải thích kiến thức về lý luận Sư phạm tiếng Anh	1.3. Vận dụng kiến thức chuyên ngành sư phạm tiếng Anh trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình và học liệu dạy học môn tiếng Anh cấp THPT
1.2.4	Khái quát hóa lược sử văn học Anh	1.3.1. Vận dụng kiến thức lý luận PPGD và kỹ năng giảng dạy tiếng Anh
1.2.5	Chuyển dịch tiếng Anh-Việt, Việt-Anh	1.3.2. Vận dụng kiến thức về kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh
1.2.6	Khám phá tiếng Anh chuyên ngành	1.3.3. Vận dụng Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tiếng Anh
1.3	Kiến thức chuyên ngành	1.3.4. Vận dụng kiến thức về phát triển chương trình tiếng Anh bậc THPT
1.3.1	Giải thích ngôn ngữ học ứng dụng	
1.3.2	Áp dụng các phương pháp dạy học tiếng Anh	
1.3.3	Vận dụng kỹ thuật giảng dạy kiến thức ngôn ngữ	
1.3.4	Vận dụng kỹ thuật giảng dạy kỹ năng ngôn ngữ	
1.3.5	Vận dụng kiến thức kiểm tra đánh giá ngôn ngữ	
1.3.6	Áp dụng kiến thức văn hóa, lịch sử, chính trị, kinh tế-xã hội các quốc gia nói tiếng Anh	
1.3.7	Áp dụng kiến thức về giao tiếp giao văn hóa	

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)
1.4	Kiến thức nâng cao ngành Sư phạm Tiếng Anh	
1.4.1	Áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tiếng Anh	
1.4.2	Áp dụng kiến thức về phát triển chương trình tiếng Anh bậc THPT	
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
2.1	Kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	2.1. Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến giáo dục và dạy học môn tiếng Anh cấp THPT
2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	2.1.1. Nhận diện và nêu vấn đề
2.1.2	Tổng quát hóa vấn đề	2.1.2. Phân tích và đánh giá vấn đề
2.1.3	Phân tích vấn đề	2.1.3. Triển khai giải pháp và đề xuất
2.1.4	Triển khai giải pháp và khuyến nghị	2.2. Vận dụng tư duy hệ thống thông qua các hoạt động dạy học môn tiếng Anh cấp THPT
2.2	Kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức	2.2.1. Phác thảo hệ thống giáo dục quốc dân
2.2.1	Xây dựng giả thuyết nghiên cứu	2.2.2. Xác định tương tác giữa cá nhân và tổ chức trong trường THPT
2.2.2	Thực hiện khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử	2.2.3. Phân tích vấn đề theo thứ tự ưu tiên và logic
2.2.3	Điều tra qua thực nghiệm	2.2.4. Giải quyết cân bằng giữa các yếu tố
2.2.4	Kiểm tra và bảo vệ giả thuyết	2.3. Thể hiện kỹ năng và thái độ tích cực trong phát triển nghề nghiệp, tinh thần tự học – học suốt đời và nghiên cứu khoa học
2.3	Tư duy hệ thống	2.3.1. Thể hiện tư duy phân biện và tư duy sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp
2.3.1	Hiểu biết hệ thống giáo dục quốc dân	2.3.2. Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực, thích ứng sự phức tạp thực tế
2.3.2	Xác định tương tác giữa cá nhân và tổ chức trong trường THPT	2.3.3. Có khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác
2.3.3	Sắp xếp vấn đề theo thứ tự ưu tiên	2.3.4. Thể hiện sáng kiến và bảo vệ ý kiến
2.3.4	Phân tích vấn đề theo logic	2.3.5. Thể hiện tính kiên trì, quyết tâm, linh hoạt
2.3.5	Giải quyết cân bằng giữa các vấn đề	2.3.6. Thể hiện sự chủ động học tập, nghiên cứu và cập nhật tri thức
2.4	Thái độ, tư tưởng và học tập	2.3.7. Thể hiện đạo đức liêm chính và trách nhiệm xã hội
2.4.1	Thể hiện sáng kiến và bảo vệ ý kiến	2.3.8. Thể hiện sự trung thực, công bằng, hành xử chuyên nghiệp và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
2.4.2	Thể hiện tính kiên trì, quyết tâm, linh hoạt	
2.4.3	Có khả năng tư duy sáng tạo	
2.4.4	Có khả năng tư duy phản biện	
2.4.5	Có khả năng tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức	
2.4.6	Có khả năng tự học và rèn luyện suốt đời	
2.4.7	Có khả năng quản lý thời gian và các nguồn lực	
2.5	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác	

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
2.5.1	Thể hiện đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội		
2.5.2	Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp		
2.5.3	Thể hiện sự chủ động cho tương lai và dự kiến cho cuộc đời		
2.5.4	Cập nhật trong lĩnh vực nghề nghiệp		
2.5.5	Thể hiện sự công bằng và đa dạng		
2.5.6	Thể hiện sự tin tưởng và lòng trung thành		
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1	Kỹ năng làm việc nhóm	3.1. Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường giáo dục - đào tạo và môi trường đa văn hóa	
3.1.1	Xây dựng mục tiêu và kế hoạch làm việc nhóm	3.1.1. Hình thành và triển khai hoạt động nhóm	
3.1.2	Triển khai hoạt động nhóm	3.1.2. Duy trì và phát triển hoạt động nhóm	
3.1.3	Phát triển hoạt động nhóm	3.2. Vận dụng chiến lược, kỹ năng, phương thức giao tiếp hiệu quả	
3.1.4	Dẫn dắt hoạt động nhóm	3.2.1. Vận dụng hiệu quả các chiến lược giao tiếp hữu ngôn và phi ngôn	
3.1.5	Hoạt động nhóm đa ngành	3.2.2. Vận dụng hiệu quả phương thức giao tiếp bằng văn bản, điện tử, đa phương tiện, thuyết trình trước công chúng	
3.2	Kỹ năng giao tiếp	3.3. Sử dụng ngoại ngữ 2 trong giao tiếp	
3.2.1	Sử dụng kỹ năng thuyết trình	3.3.1. Sử dụng tiếng Pháp bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong giao tiếp cơ bản	
3.2.2	Vận dụng chiến lược giao tiếp		
3.2.3	Thực hành phương thức giao tiếp bằng văn bản		
3.2.4	Thực hành phương thức giao tiếp điện tử và đa phương tiện		
3.3	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ khác		
3.3.1	Sử dụng tiếng Pháp bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp		
4	NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ THỰC HIỆN, PHÁT TRIỂN MÔN TIẾNG ANH CẤP THPT	NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ THỰC HIỆN, PHÁT TRIỂN MÔN TIẾNG ANH CẤP THPT	
4.1	Hiểu biết bối cảnh xã hội và ngành giáo dục	4.1. Hiểu biết bối cảnh xã hội, các tổ chức giáo dục, ngành giáo dục và ngành Sư phạm tiếng Anh	
4.1.1	Nhận thức vai trò và trách nhiệm của giáo viên Tiếng Anh	4.1.1. Nhận diện được bối cảnh của xã hội và bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước	
4.1.2	Xác định tác động giữa dạy học tiếng Anh và xã hội		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
4.1.3	Hiểu biết các quy định của nhà nước, ngành giáo dục đối với nghề nghiệp giáo viên	4.1.2.	Hiểu biết văn hóa trường học, sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển, cơ hội và thách thức của nhà trường
4.1.4	Hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và các giá trị đương đại	4.1.3.	Nhận diện được tác động của ngành Sư phạm tiếng Anh Anh đối với xã hội và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước
4.1.5	Hiểu biết bối cảnh toàn cầu	4.1.4.	Xác định được vai trò, trách nhiệm của Cử nhân Sư phạm tiếng Anh và những quy định trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp
4.2	Hiểu biết bối cảnh nhà trường	4.2. Hình thành ý tưởng dạy học, giáo dục môn Tiếng Anh cấp THPT	
4.2.1	Hiểu biết các tổ chức và những mối quan hệ xã hội của nhà trường	4.2.1.	Xác định mục tiêu dạy học và giáo dục
4.2.2	Hiểu biết tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của nhà trường	4.2.2.	Xác định nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung và quy trình dạy học và giáo dục
4.3	Hình thành ý tưởng	4.2.3.	Phác thảo kế hoạch dạy học giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh
4.3.1	Xác định mục tiêu dạy học	4.3. Thiết kế chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT	
4.3.2	Định hướng chương trình dạy học	4.3.1.	Thiết kế chương trình dạy học và giáo dục
4.3.3	Phác thảo quy trình dạy học	4.3.2.	Phân tích chương trình dạy học và giáo dục
4.3.4	Phác thảo hoạt động giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh	4.3.3.	Lựa chọn chương trình dạy học và giáo dục phù hợp
4.4	Thiết kế chương trình	4.4. Thực hiện chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT	
4.4.1	Xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học	4.4.1.	Thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục
4.4.2	Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học	4.4.2.	Giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học và giáo dục
4.4.3	Xây dựng kế hoạch dạy học	4.4.3.	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp
4.5	Thực hiện chương trình	4.5. Phát triển chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT	
4.5.1	Thực hiện kế hoạch dạy học	4.5.1.	Phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong dạy học và giáo dục
4.5.2	Giám sát, kiểm tra, đánh giá	4.5.2.	Đánh giá hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục
4.5.3	Xử lý các tình huống sư phạm	4.5.3.	Cải tiến và phát triển chương trình dạy học và giáo dục
4.5.4	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo		
4.5.5	Tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp		
4.6	Phát triển chương trình		
4.6.1	Phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học và giáo dục		
4.6.2	Sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học		
4.6.3	Đánh giá, cải tiến và phát triển chương trình môn học sau mỗi chu trình thực hiện		

2.8.3. Đối sánh Chuẩn đầu ra

BẢNG 3: ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA VỚI VĂN BẢN NHÀ NƯỚC

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	ĐỐI SÁNH với Khung trình độ QGVN
Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn đầu ra trình độ đại học (Bậc 6)
<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh có khả năng:</i>	<i>Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh có khả năng:</i>
1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1. vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, tâm lý học, giáo dục học, CNTT, và kiến thức ngành sư phạm vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống	- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. - Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
Kiến thức cơ sở ngành 1.2. vận dụng kiến thức cơ sở ngành về ngôn ngữ Anh, văn hóa, chính trị - xã hội và lý luận ngôn ngữ tiếng Anh vào thực tế dạy học môn tiếng Anh cấp THPT	- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. - Kiến thức cơ bản về quản lý điều hành hoạt động chuyên môn
Kiến thức chuyên ngành 1.3. vận dụng kiến thức chuyên ngành sư phạm tiếng Anh trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình và học liệu dạy học môn tiếng Anh cấp THPT	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo
2. KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
2.1. lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến giáo dục và dạy học môn tiếng Anh cấp THPT 2.2. vận dụng tư duy hệ thống thông qua các hoạt động dạy học môn tiếng Anh cấp THPT 2.3. Thể hiện kỹ năng và thái độ tích cực trong phát triển nghề nghiệp, tinh thần tự học – học suốt đời và nghiên cứu khoa học.	- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp - Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. - Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong các điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	ĐỐI SÁNH với Khung trình độ QGVN
3.1. thể hiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường giáo dục - đào tạo và môi trường đa văn hóa 3.2. vận dụng chiến lược, kỹ năng, phương thức giao tiếp hiệu quả 3.3. sử dụng ngoại ngữ 2 trong giao tiếp	- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm - Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm - Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ được xác định - Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp - Có năng lực ngoại ngữ bậc 5/6 đối với chuyên ngữ; ngoại ngữ thứ 2 tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
4. NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI, PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC	
4.1. Hiểu biết bối cảnh xã hội, các tổ chức giáo dục, ngành giáo dục và ngành Sư phạm tiếng Anh 4.2. Hình thành ý tưởng dạy học, giáo dục môn Tiếng Anh cấp THPT 4.3. Thiết kế chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT 4.4. Thực hiện chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT 4.5. Phát triển chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT	- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể - Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân. - Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. - Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm - Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo

**BẢNG 4. MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CĐR BẬC ĐẠI HỌC (BẬC 6) CỦA KHUNG
TRÌNH ĐỘ QGVN VÀ CĐR CDIO CỦA CTĐT**

A. Kiến thức	B. Kỹ năng	C. Mức tự chủ và trách nhiệm
A.1- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực đào tạo (CDIO1.1.,1.2, 1.3) A.2- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật (CDIO1.1) A.3- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc (CDIO1.1) A.4- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể (CDIO1.3) A.5- Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn (CDIO1.1, 1.2, 1.3)	B.1- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp (CDIO2.1, 2.2) B.2- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác (CDIO2.3) B.3- Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi (CDIO2.1, 2.2, 2.3, CDIO3.1) B.4- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm (CDIO1.3, CDIO2.1, 2.2, , CDIO4.4, 4.5). B.5- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp (CDIO2.3, CDIO3.1, 3.2) B.6- Có năng lực ngoại ngữ bậc 5/6 chuyên ngữ; bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (CDIO1.2, CDIO3.3)	C.1- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm (CDIO3.1, 3.2) C.2- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định (CDIO3.1, 3.2) C.3- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân (CDIO2.3; 4.1) C.4- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (CDIO2.3; CDIO4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5)

**BẢNG 5. MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH VỀ CDR CỦA CTĐT THEO THÔNG TƯ
04/2016/TT-BGDĐT VÀ THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA**

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT	Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của AUN-QA (v.4.0)
Điều 5. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Tiêu chuẩn 1. Chuẩn đầu ra
1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	1.1. The programme to show that the expected learning outcomes are appropriately formulated in accordance with an established learning taxonomy, are aligned to the vision and mission of the university, and are known to all stakeholders. 1.2. The programme to show that the expected learning outcomes for all courses are appropriately formulated and are aligned to the expected learning outcomes of the programme. 1.3. The programme to show that the expected learning outcomes consist of both generic outcomes (related to written and oral communication, problemsolving, information technology, teambuilding skills, etc) and subject specific outcomes (related to knowledge and skills of the study discipline). 1.4. The programme to show that the requirements of the stakeholders, especially the external stakeholders, are gathered, and that these are reflected in the expected learning outcomes. 1.5. The programme to show that the expected learning outcomes are achieved by the students by the time they graduate.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tại mỗi thời điểm phát triển CTĐT, chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế đảm bảo tương thích có định hướng với CĐR của CTĐT. CTDH năm 2021 được rà soát và cập nhật theo Quyết định số 1275/QĐ-ĐHV của Trường Đại học Vinh. Bảng 3.1 mô tả cấu trúc của CTDH và mối liên hệ giữa các mô-đun với các CĐR của CTĐT. Ngoài khối lượng học tập trong CTDH, sinh viên phải hoàn thành các khóa học về Giáo dục Thể chất (5 tín chỉ), An ninh – Quốc phòng (8 tín chỉ) và được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ và các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp sinh viên cải tiến kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp.

Bảng 3.1. Ảnh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT

Các mô-đun		Số TC	Phần trăm	CĐR của CTĐT									
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	
Giáo dục đại cương	1. Kiến thức đại cương chung	11	8,7%	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	
	2. Kiến thức đại cương khối ngành	17	13,5%	✓			✓		✓	✓	✓	✓	
	3. Ngoại ngữ 2	7	5,6%				✓			✓			
Giáo dục chuyên nghiệp	4. Kiến thức cơ sở ngành	63	50%	✓		✓	✓		✓	✓		✓	
	5. Kiến thức chuyên ngành	20	15,8%		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
	6. Khóa luận và thực tập tốt nghiệp	8	6,4%				✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Tổng		126	100%	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	

3.2. Các học phần theo mô-đun

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 126 tín chỉ, trong đó:

3.2.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 35 tín chỉ = 28%

3.2.1.1. Kiến thức đại cương chung: 11 tín chỉ (8,7%)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Triết học Mác-Lênin	3
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
Tổng		11

3.2.1.2. Kiến thức đại cương khối ngành: 17 tín chỉ (13,50%)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn ngành sư phạm	3
2	Tâm lý học	3
3	Giáo dục học	4

4	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3
Tổng		17

3.2.1.3. Ngoại ngữ 2: 07 tín chỉ (5,6%)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Ngoại ngữ thứ 2 - HP1 (Tự chọn 1)	3
2	Ngoại ngữ thứ 2 - HP1 (Tự chọn 2)	4

Tự chọn 1 (chọn 1 trong các học phần ngoại ngữ thứ 2 sau)		
TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Tiếng Nga 1	3
2	Tiếng Pháp 1	3
3	Tiếng Trung 1	3

Tự chọn 2 (chọn 1 trong các học phần ngoại ngữ thứ 2 sau)		
TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Tiếng Nga 2	4
2	Tiếng Pháp 2	4
3	Tiếng Trung 2	4

3.2.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 91 tín chỉ = 72%

3.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 63 tín chỉ (50%)

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1	5
2	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2	6
3	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	5
4	Nghe - nói tiếng Anh 1	4
5	Đọc - Viết tiếng Anh 1	4
6	Nghe - Nói tiếng Anh 2	4
7	Đọc - Viết tiếng Anh 2	4
8	Nghe - Nói tiếng Anh 3	4
9	Đọc - Viết tiếng Anh 3	4
10	Tiếng Anh nâng cao	2
11	Ngữ pháp tiếng Anh	3
12	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh	3

13	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Anh	3
14	Văn hóa Anh – Mỹ	4
15	Viết khoa học	2
16	Biên dịch	3
17	Tự chọn 3	3
Tổng		63

Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 3 học phần sau)		
TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Ngôn ngữ học đối chiếu	3
2	Ngữ dụng học	3
3	Phân tích diễn ngôn	3

3.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 20 tín chỉ = 15,8%

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2
2	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	4
3	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2	4
4	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3
5	Thiết kế chương trình và phát triển học liệu	4
6	Tự chọn 4	3
Tổng		20

Tự chọn 4 (Chọn 1 trong 4 học phần sau)		
TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nghiên cứu hành động	3
2	Phương pháp dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ	3
3	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học	3
4	Tư duy phản biện trong dạy học tiếng Anh	3

3.2.2.3. Khóa luận và thực tập tốt nghiệp: 08 tín chỉ = 6,4%

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8

3.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 3.2.

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT								
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
1	PED20002	Nhập môn ngành Sư phạm		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓
2	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	✓			✓			✓		
3	POL11001	Triết học Mác-Lênin	✓			✓	✓				
4	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	✓				✓				
5	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	✓			✓	✓				
6	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	✓			✓			✓		
7	ENG31041	Ngữ pháp tiếng Anh	✓			✓		✓	✓		✓
8		Tự chọn 1 (học phần 1 Ngoại ngữ thứ 2)				✓			✓		
9	EDU21003	Tâm lý học		✓		✓	✓		✓		
10	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓			✓	✓				
11	ENG20003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	✓			✓			✓		
12	ENG30007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh	✓			✓		✓	✓		✓
13		Tự chọn 2 (học phần 2 Ngoại ngữ thứ 2)				✓			✓		
14	EDU20006	Giáo dục học		✓		✓	✓	✓	✓		
15	ENG30004	Đọc - Viết tiếng Anh 1	✓			✓			✓		
16	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1	✓			✓			✓		
17	ENG30017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh	✓			✓		✓	✓		✓
18	ENG31015	Lý luận về PGD tiếng Anh	✓			✓		✓			
19	INF20005	ICT trong giáo dục				✓	✓	✓	✓	✓	✓
20	POL11004	Lịch sử Đảng CSVN	✓			✓	✓				
21	ENG30013	Đọc - Viết tiếng Anh 2	✓			✓			✓		
22	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2	✓			✓			✓		
23	ENG30053	Văn hóa Anh - Mỹ	✓			✓		✓	✓		✓
24	ENG31042	Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓
25	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓			✓	✓				
26	ENG30021	Đọc - Viết tiếng Anh 3	✓			✓			✓		

27	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3	✓			✓			✓		
28	ENG31044	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓
29	ENG30054	Viết khoa học			✓	✓					
30		Tự chọn 2			✓	✓					
31	ENG31043	Biên dịch	✓			✓					
32	ENG30033	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ		✓		✓		✓			
33	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao			✓	✓			✓		
34	ENG31030	Thiết kế chương trình và phát triển học liệu			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
35		Tự chọn 4			✓	✓	✓	✓			
36	ENG31039	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓

• **Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR chi tiết của CTĐT**

(Xem Phụ lục B)

3.4. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau:
(1) Loại học phần: × – bắt buộc, □ – tự chọn; (2) LT - lý thuyết, TH - thực hành, TL/BT - thảo luận/bài tập, ĐAHP - đồ án học phần, TT/KT - thực tập/kiến tập, ĐA/KLTN - đồ án/khóa luận tốt nghiệp.

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH

T T	Mã học phần	Tên học phần	T C	(1) Lý thuyết/ (2) Thực hành, thực tập / (3) Thảo luận, Bài tập/ (4) Học phần dự án/ (5) Thực tập TN/ (6) Đồ án TN						Học kỳ
				1	2	3	4	5	6	
		KIẾN THỨC BẮT BUỘC								
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm	3				45			1
2	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	30		15				1
3	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	5	45		30				1
4	POL11001	Triết học Mác - Lênin	3	30		15				1
5	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20		10				2
6	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	6	45		45				2
7	ENG31041	Ngữ pháp tiếng Anh	3				45			2
8		Tự chọn 1 (học phần 1 Ngoại ngữ thứ 2)	3	30		15				2
9	EDU21003	Tâm lý học	3	30		15				2
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	(2)	30						(1-3)
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	(2)	30						(1-3)
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	(2)	15	15					(1-3)

	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)	(2)	4	26					(1-3)
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15	60					(1-3)
10	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		10				3
11	EDU20006	Giáo dục học	4	45		15				3
12	ENG20003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	5	45		30				3
13	ENG30007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh	3				45			3
14		Tự chọn 2 (học phần 2 Ngoại ngữ thứ 2)	4	45		15				3
15	ENG30004	Đọc - Viết tiếng Anh 1	4	45		15				4
16	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		10				4
17	ENG31015	Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2	15		15				4
18	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1	4	45		15				4
19	ENG30017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh	3				45			4
20	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4				60			4
21	ENG30013	Đọc - Viết tiếng Anh 2	4	45		15				5
22	ENG31042	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	4				60			5
23	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2	4	45		15				5
24	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		10				5
25	ENG30053	Văn hóa Anh - Mỹ	4				60			5
26	ENG30021	Đọc - Viết tiếng Anh 3	4	45		15				6
27	ENG31044	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2	4				60			6
28	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3	4	45		15				6
29		Tự chọn 3	3							6
30	ENG30054	Viết khoa học	2	20		10				6
31	ENG31043	Biên dịch	3	30		15				7
32	ENG30033	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	30		15				7
33	ENG31030	Thiết kế chương trình và phát triển học liệu	4				60			7
34	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao	2	20		10				7
35		Tự chọn 4	3							7
36	ENG31039	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8					5	5	8
		Tổng	126							

Tự chọn 1 (chọn 1 trong các học phần ngoại ngữ thứ 2 sau)

1	RUS30001	Tiếng Nga 1		0		5				2
2	FRE30001	Tiếng Pháp 1		0		5				2
3	CHI30001	Tiếng Trung 1		0		5				2

Tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ thứ 2 sau)

1	RUS30002	Tiếng Nga 2		5		5				3
2	FRE30002	Tiếng Pháp 2		5		5				3
3	CHI30002	Tiếng Trung 2		5		5				3

Tự chọn 3 (chọn 1 trong 3 học phần sau)

1	ENG30024	Ngôn ngữ học đối chiếu		0		5				6
2	ENG30025	Ngữ dụng học		0		5				6
3	ENG30026	Phân tích diễn ngôn		0		5				6

Tự chọn 4 (chọn 1 trong 4 học phần sau)

1	ENG30055	Nghiên cứu hành động		0		5				7
2	ENG30056	Phương pháp dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ		0		5				7
3	ENG30028	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học		0		5				7
4	ENG31048	Tư duy phản biện trong dạy học tiếng Anh		0		5				7

3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

Hình 3.1. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm	1
2	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1
3	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	1
4	POL11001	Triết học Mác - Lênin	1
5	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
6	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	2
7	ENG31041	Ngữ pháp tiếng Anh	2
8		Tự chọn 1 (HP 1 Ngoại ngữ thứ 2)	2
9	EDU21003	Tâm lý học	2
10	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3
11	EDU20006	Giáo dục học	3
12	ENG20003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	3
13	ENG30007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh	3
14		Tự chọn 2 (HP 2 Ngoại ngữ thứ 2)	3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ
1	ENG30013	Đọc - Viết tiếng Anh 2	5
2	ENG31042	Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1	5
3	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2	5
4	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5
5	ENG30053	Văn hóa Anh - Mỹ	5
6	ENG30021	Đọc - Viết tiếng Anh 3	6
7	ENG31044	Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 2	6
8	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3	6
29		Tự chọn 3	6
30	ENG30054	Viết khoa học	6
31	ENG31043	Biên dịch	7
32	ENG30033	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	7
33	ENG31030	Thiết kế CT và phát triển học liệu	7
34	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao	7

15	ENG30004	Đọc - Viết tiếng Anh 1	4
16	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4
17	ENG31015	Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4
18	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1	4
19	ENG30017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh	4
20	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4

Tự chọn 1 HP Ngoại ngữ 2 (chọn 1 trong 3 học phần sau)			
1	RUS30001	Tiếng Nga 1	2
2	FRE30001	Tiếng Pháp 1	2
3	CHI30001	Tiếng Trung 1	2
Tự chọn 4 (chọn 1 trong 3 học phần sau)			
1	ENG30024	Ngôn ngữ học đối chiếu	6
2	ENG30025	Ngữ dụng học	6
3	ENG30026	Phân tích diễn ngôn	6

35		Tự chọn 4	7
36	ENG31039	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8

Tự chọn 2 HP Ngoại Ngữ 2 (chọn 1 trong 3 học phần sau)			
1	RUS30002	Tiếng Nga 2	3
2	FRE30002	Tiếng Pháp 2	3
3	CHI30002	Tiếng Trung 2	3
Tự chọn 4 (chọn 1 trong 4 học phần sau)			
1	ENG30055	Nghiên cứu hành động	7
2	ENG30056	PP dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ	7
3	ENG30028	PP giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học	7
	ENG31048	Tư duy phản biện trong DH tiếng Anh	7

3.6. Ma trận kỹ năng

Hình 3.2. Ma trận kỹ năng

CĐR CTĐT	Học phần	CĐR CTĐT	Học phần	CĐR CTĐT	Học phần	CĐR CTĐT	Học phần	CĐR CTĐT	Học phần	CĐR CTĐT	Học phần	CĐR CTĐT	Học phần
<i>1.1.1</i>	3	<i>1.2.1</i>	9	<i>1.3.1</i>	30	<i>2.1.1.</i>	1	<i>2.2.1</i>	3	<i>3.1.1</i>	14	<i>4.1.1</i>	19
	5		14		33		3		4		23		24
	10						5		5		26		36
	20						7		9				
	25						10		10				
							12		18				
							14		19				
							17		20				
							19		25				
							20		35				
							23		36				
							24						
							25						
							28						
							29						
							34						
							36						
<i>1.1.2</i>	2	<i>1.2.2</i>	14	<i>1.3.2</i>	29	<i>2.1.2.</i>	2	<i>2.2.2</i>	25	<i>3.1.2</i>	1	<i>4.1.2</i>	1

	6		18		34		6		28		7		19
	7		24		35		7		34		12		28
	11		28				8		36		17		36
	12		32				11				18		
	15		36				12				19		
	16						13				23		
	17						15				24		
	21						16				28		
	22						17				32		
	26						18				34		
	27						21				35		
							22						
							24						
							26						
							27						
							29						
							30						
							31						
							32						
							33						
							35						
<i>1.1.3</i>	4 23	<i>1.2.3</i>	1 9			<i>2.1.3</i>	19 32			<i>3.2.1</i>	1 2	<i>4.2.1</i>	1 7

	31		14 36				34 35 36				6 7 8 9 11 12 13 15 16 17 19 21 22 23 24 26 27 29 33 34 36		12 17 19 23 24 28 34 36
						<i>2.1.4</i>	9 14			<i>3.2.2</i>	8 13	<i>4.2.2</i>	1 7

							18 24 28 32 35 36						12 17 19 23 24 28 34 36
						2.1.5	9 14 36					4.2.3	1 19 24 28 34 36
												4.2.4	1 34 36

CDR CTĐT	Học phần	CDR CTĐT	Học phần	CDR CTĐT	Học phần	CDR CTĐT	Học phần	CDR CTĐT	Học phần	CDR CTĐT	Học phần	CDR CTĐT	Học phần
1.1.1	3	1.2.1	9	1.3.1	30	2.1.1.	1	2.2.1	3	3.1.1	14	4.1.1	19

	5 10 20 25		14		33		3 5 7 10 12 14 17 19 20 23 24 25 28 29 34 36		4 5 9 10 18 19 20 25 35 36		23 26		24 36
<i>1.1.2</i>	2 6 7 11 12 15 16	<i>1.2.2</i>	14 18 24 28 32 36	<i>1.3.2</i>	29 34 35	<i>2.1.2.</i>	2 6 7 8 11 12 13	<i>2.2.2</i>	25 28 34 36	<i>3.1.2</i>	1 7 12 17 18 19 23	<i>4.1.2</i>	1 19 28 36

	17 21 22 26 27						15 16 17 18 21 22 24 26 27 29 30 31 32 33 35				24 28 32 34 35		
<i>1.1.3</i>	4 23 31	<i>1.2.3</i>	1 9 14 36			<i>2.1.3</i>	19 32 34 35 36			<i>3.2.1</i>	1 2 6 7 8 9 11 12	<i>4.2.1</i>	1 7 12 17 19 23 24 28

											13		34
											15		36
											16		
											17		
											19		
											21		
											22		
											23		
											24		
											26		
											27		
											29		
											33		
											34		
											36		
						2.1.4	9			3.2.2	8	4.2.2	1
							14				13		7
							18						12
							24						17
							28						19
							32						23
							35						24
							36						28

													34 36
						2.1.5	9 14 36					4.2.3	1 19 24 28 34 36
												4.2.4	1 34 36

PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

PED20002: Nhập môn ngành sư phạm

Mô tả học phần

Học phần Nhập môn ngành Sư phạm là học phần học đầu tiên trong khối kiến thức khoa học giáo dục của Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự tin và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

Mục tiêu học phần

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* trình bày khái quát về ngành Sư phạm, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh; quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K2	Trình bày khái quát về ngành sư phạm, hệ thống giáo dục và những đổi mới về giáo dục phổ thông của Việt Nam; phẩm chất, năng lực về dạy học và giáo dục của giáo viên phổ thông.	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K2	Trình bày mục tiêu, những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS trong Chương trình GDPT môn tiếng Anh; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Thể hiện tư duy hệ thống và tư duy sáng tạo thông qua việc lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực trong quá trình học, trải nghiệm thực tế ở trường phổ thông	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A2	Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giáo trong trường phổ thông	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

CLO3.2	S2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C2	Nhận diện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông và vai trò của giáo viên môn tiếng Anh trong hoạt động dạy học và giáo dục	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C2	Hình thành ý tưởng cho trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.3	C2	Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.4	C2	Thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.5	C2	Đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

LIT20006: Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mô tả học phần

Học phần *Cơ sở văn hóa Việt Nam* là học phần bắt buộc trong khối kiến thức đại cương khối ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về văn hóa Việt Nam, những hiện tượng văn hóa Việt Nam đã và đang diễn ra trong đời sống nói riêng và những đặc trưng cơ bản làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam.

Mục tiêu

Học phần *Cơ sở văn hóa Việt Nam* trình bày khái quát kiến thức nền tảng về văn hóa học, văn hóa Việt Nam nhằm giúp sinh viên nhận diện được quy luật hình thành và phát triển của văn hóa, từ đó lí giải và đánh giá đúng các hiện tượng văn hóa Việt Nam cụ thể.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức văn hóa Việt nam, để nhận diện và lý giải các hiện tượng văn hóa trong thời kỳ hội nhập	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	Đánh giá các hiện tượng văn hóa trong tính tổng thể và xác định các vấn đề phát sinh, tương tác trong hệ thống và sắp xếp các vấn đề văn hóa trọng tâm.	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Thể hiện thái độ tự hào về văn hóa Việt nam và tôn trọng các nền văn hóa khác, từ đó vận dụng vào công tác dạy học và giáo dục học sinh	Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá

ENG21001: Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1* trang bị kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ Anh ở cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng tự học ở bậc đại học, xử lý thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động giao tiếp về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ ở trình độ cuối bậc 2 đầu bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ cuối bậc 2 đầu bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S2	Vận dụng thông tin về các chủ đề trong học phần tương thích với cuối bậc 2 đầu bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

POL11001: Triết học Mác - Lênin

Mô tả học phần:

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Học phần được kết cấu bởi 3 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề triết học và triết học Mác – Lênin, học phần giúp sinh viên hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện

chứng duy vật, từng bước vận dụng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

Mục tiêu:

- Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.
- Hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.
- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên.

Chuẩn đầu ra:

CDR học phần	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	2.0	Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	3.0	Áp dụng lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần
CLO2.1 ...	3.0	Thể hiện hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng	Tự học, Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO2.2	3.0	Có khả năng vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực thực tiễn; phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật trước C.Mác	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần

POL11002: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả học phần:

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu:

- **CO1:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- **CO2:** Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- **CO3:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phân biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	2.5	<i>Giải thích</i> được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	3.0	<i>Vận dụng</i> lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần
CLO2.1	3.0	<i>Thể hiện</i> bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	Tự học, Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO3.1	2.5	<i>Có khả năng</i> phân biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần

ENG21002: Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2

Mô tả học phần

Học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2* trang bị kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ Anh ở bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng tự học ở bậc đại học, xử lý thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động giao tiếp về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S2	Vận dụng thông tin về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 3 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG31041: Ngữ pháp tiếng Anh

Mô tả học phần:

Học phần *Ngữ pháp* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng liên quan đến các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh; giúp sinh viên sử dụng ngữ pháp thành thạo trong giao tiếp (thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch); và trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các hiện tượng ngữ pháp liên quan, các quan niệm có tính chất trường phái về cú pháp.

Mục tiêu:

Học phần *Ngữ pháp* trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng liên quan đến các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh; giúp sinh viên sử dụng ngữ pháp thành thạo trong giao tiếp (thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch); và trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các hiện tượng ngữ pháp liên quan, các quan niệm có tính chất trường phái về cú pháp.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học
CLO 1.1	K3	Giải thích các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO 2.1	S2	Vận dụng kiến thức ngữ pháp trong hoạt động nghề nghiệp	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.1	S2	Thể hiện khả năng tự nhận thức, siêu nhận thức và tích hợp kiến thức, và cập nhật tri thức trong lĩnh vực nghề nghiệp	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.2	S2	Vận dụng các chiến lược giao tiếp, và kỹ năng thuyết trình hiệu quả	Thảo luận nhóm Thuyết trình	Hồ sơ học phần
CLO 4.2	C2	Hình thành ý tưởng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho học sinh phổ thông.	Thảo luận nhóm Thuyết trình	Hồ sơ học phần

RUS30001, FRE30001, CHI30001: Ngoại ngữ thứ 2 (HP1): tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung
Mô tả học phần:

Ngoại ngữ thứ 2 (HP1) là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý

tương giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng *ngoại ngữ thứ 2*.

Mục tiêu:

1. Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản.
2. Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng *Ngoại ngữ thứ 2* cơ bản.
3. Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng *Ngoại ngữ thứ 2* về các chủ đề quen thuộc.
4. Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng *Ngoại ngữ thứ 2* về các chủ đề quen thuộc

Chuẩn đầu ra:

1. Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
2. Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày
3. Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ
4. Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
5. Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
6. Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
7. Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
8. Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
9. Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày
10. Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu
11. Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên
12. Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm
13. Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn

14. Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng *Ngoại ngữ thứ 2* (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày
15. Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp
16. Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp.
17. Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc.
18. Nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp về các chủ đề thông qua những hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa.

EDU21003: Tâm lý học

Mô tả học phần:

Học phần Tâm lý học có vị trí rất quan trọng trong Chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần cung cấp cơ sở tâm lý để hình thành tri thức, rèn luyện các kỹ năng, các giá trị, phẩm chất và phát triển năng lực nghề dạy học cho sinh viên, giúp sinh viên hoạt động có hiệu quả trong dạy học, giáo dục và tư vấn, hỗ trợ học sinh.

Mục tiêu:

Học phần Tâm lý học khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản, nền tảng về khoa học tâm lý, về cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học, giáo dục, về cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp, về cơ sở tâm lý của việc xây dựng môi trường giáo dục, cơ sở tâm lý của xây dựng mối quan hệ giao tiếp, ứng xử trong và ngoài nhà trường. Người học có khả năng vận dụng vào việc hình thành, trau dồi phẩm chất nhà giáo, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh, đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục. Từ đó người học xác định được vai trò, trách nhiệm của người giáo viên, thực hiện dạy học, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp cho học sinh một cách hiệu quả.

Chuẩn đầu ra:

1. Trình bày những kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý (bản chất, chức năng, phân loại; nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý).
2. Giải thích được nguyên lý và quy luật của sự hình thành, phát triển tâm lý.
3. Diễn đạt được mối quan hệ giữa nhận thức - tình cảm - ý chí trong hành động và cuộc sống con người.
4. Phân tích được cơ sở tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục.
5. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp.
6. Phân tích các điều kiện thể chất, xã hội của học sinh và sự phát triển tâm lý theo lứa tuổi để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong học tập, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp
7. Kỹ năng hiểu và đánh giá đúng trình độ học sinh để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học.
8. Hình thành được kỹ năng thiết kế bài dạy: xác định mục đích bài dạy, nội dung dạy và học, phương tiện dạy và học, phương pháp dạy, quá trình thực hiện bài dạy.

9. Hình thành được lối sống đạo đức cho học sinh từ hệ thống các yếu tố tâm lý (tri thức đạo đức, niềm tin đạo đức, động cơ đạo đức, tình cảm đạo đức, ý chí đạo đức, thói quen đạo đức)
10. Vận dụng các kỹ năng giao tiếp (kỹ năng định hướng giao tiếp, kỹ năng nhận biết đối tượng, kỹ năng định vị, kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp) trong việc giải quyết các nhiệm vụ.

POL11003: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần:

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu:

- Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường

đi lên CNXH ở Việt Nam

Chuẩn đầu ra:

CDR học phần	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	2.0	Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	3.0	Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Hồ sơ học phần
CLO2.1 ...	3.0	Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Tự học, Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần
CLO2.2	3.0	Có khả năng phê phán , đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Thảo luận nhóm	Hồ sơ học phần

EDU20006: Giáo dục học

Mô tả học phần:

Học phần *Giáo dục học* là học phần căn bản của Chương trình đào tạo Sư phạm. Học phần cung cấp những kiến thức nền về phương thức vận hành nhà trường, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực cơ bản của người giáo viên. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, được thiết kế những tiết dạy cùng đội nhóm, được

tranh biện về những tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, Sao nhi đồng... Được thử thách, khám phá năng lực sư phạm của bản thân và được cố vấn để hoàn thiện những năng lực đó.

Mục tiêu:

Trên cơ sở giải thích được quy tắc vận hành nhà trường trong hệ thống GDQD; phân tích được vai trò của giáo dục, sứ mệnh người thầy giáo; phân tích được phương thức tổ chức hoạt động dạy học; thực hiện được nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp, phụ trách Đoàn, Đội, Sao nhi đồng ... người học có thể phát triển được chương trình GD quốc gia vào hoạt động nhà trường. Những năng lực trên được hình thành khi người học tích cực, nghiêm túc, sáng tạo tương tác trực tiếp hoặc trực tuyến với giảng viên với đồng đội.

Chuẩn đầu ra:

1. Phân tích được kế hoạch DH, PPDH, kiểm tra – đánh giá, phát triển chương trình môn học
2. Phân tích được cách thức thực hiện các hoạt động GD, trải nghiệm, hướng nghiệp và văn hóa nhà trường trong công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng
3. Giải thích được các tình huống dạy học và giáo dục (công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng)
4. Lập được kế hoạch dạy học cho tiết học/tuần/học kì/năm học;
5. thiết kế được bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mẫu
6. Đề xuất được biện pháp thực hiện kế hoạch chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng cho từng hoạt động/tháng/học kì/năm học
7. Nghiêm túc, tích cực, hợp tác
8. Ứng xử phù hợp với các tình huống sư phạm giả định
9. Lựa chọn được phương tiện dạy học, giáo dục phù hợp

ENG20003: Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3

Mô tả học phần

Học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3* trang bị kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ Anh ở bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng tự học ở bậc đại học, xử lý thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động giao tiếp về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S2	Vận dụng thông tin về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 4 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG30007: Ngữ âm - âm vị tiếng Anh

Mô tả học phần:

Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh được giảng dạy ở phân kỳ 4. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống âm vị, các quy tắc phát âm trong tiếng Anh; kỹ năng phát âm chính xác, khả năng nghe, nói thành thạo trong giao tiếp tiếng Anh; kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các vấn đề về âm vị trong tiếng Anh, giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

Mục tiêu:

Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống âm vị, các qui tắc phát âm trong tiếng Anh; kỹ năng phát âm chính xác, khả năng nghe, nói thành thạo trong giao tiếp tiếng Anh; kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các vấn đề về âm vị trong tiếng Anh, giữa tiếng Anh và tiếng Việt; Giúp hình thành ý tưởng dạy phát âm cho người học tiếng Anh, đặc biệt là học sinh phổ thông.

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.1	K3	Giải thích được các hiện tượng cơ bản liên quan đến Ngữ âm_ Âm vị tiếng Anh	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO 2.1	S2	Áp dụng kiến thức của học phần vào hoạt động Nghe, Nói trong giao tiếp.	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.1	S2	Phân tích các vấn đề liên quan đến Ngữ âm -Âm vị.	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.2	S2	Thảo luận , thuyết trình về các vấn đề liên quan đến hệ thống âm vị, những khó khăn trong việc phát âm hay nhận dạng âm tiếng Anh đối với người Việt học/sử dụng tiếng Anh.	Thảo luận nhóm Thuyết trình	Hồ sơ học phần
CLO 4.2	C2	Hình thành các ý tưởng dạy phát âm cho người học tiếng Anh.	Thảo luận nhóm Thuyết trình	Hồ sơ học phần

RUS30002, FRE30002, CHI30002: Ngoại ngữ thứ 2 (HP2): tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung

Mô tả học phần:

Ngoại ngữ thứ 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói *ngoại ngữ thứ 2* và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu:

1. Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng *ngoại ngữ thứ 2* bậc 3 trong giao tiếp.
2. Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3.
3. Thực hiện tương tác nhóm, học tập nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình hiệu quả nhiệm vụ học tập hoạt động nhóm.
4. Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng *ngoại ngữ thứ 2*.

Chuẩn đầu ra:

1. Nêu được các hiện tượng ngữ pháp *ngoại ngữ thứ 2*: verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiện; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.
2. Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.
3. Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.
4. Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.
5. Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.
6. Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn, viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề (du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chi tiêu)
7. Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.

8. Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.
9. Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh
10. Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp
11. Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu
12. Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh, điểm yếu của nhóm và từng thành viên.
13. Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình và
14. thực hiện một đề án, trao quyền cho những người trong nhóm.
15. Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn, làm việc giữa các thành viên.
16. Có khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ phù hợp, trả lời câu hỏi một cách có hiệu quả.
17. Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp
18. Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp
19. Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc
20. Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng *ngoại ngữ thứ 2*

ENG30004: Đọc - Viết tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 4v à làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 1* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết ở bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 4; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng đọc-viết tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng đọc, viết tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng đọc – viết chuyên sâu ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 4 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

POL11004: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần:

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến giáo dục đại cương của các ngành đào tạo. Học phần gồm 3 chương, trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

Mục tiêu:

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.0	Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.	Thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận	Trắc nghiệm, vấn đáp; Hồ sơ học phần
CLO2.1	3.0	Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, hồ sơ học tập
CLO2.2	3.0	Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.	Bài tập, thảo luận	Tự luận, hồ sơ học tập

ENG31015: Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Mô tả học phần

Học phần *Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào giải thích các đường hướng, phương pháp giảng dạy và các nguyên tắc cơ bản về dạy học và soạn giáo án tiếng Anh và các thức tổ chức và xử lý tình huống liên quan đến các hoạt động dạy học môn tiếng Anh.

Mục tiêu

Học phần *Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh* trang bị cho người học các đường hướng, phương pháp, nguyên tắc dạy học tiếng Anh, nguyên tắc soạn giáo án tiếng Anh và giúp người học phát triển kỹ năng giải quyết các vấn đề thường gặp trong lớp học tiếng Anh. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng xác định mục tiêu bài học, hình thành ý tưởng bài học, lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp và phương tiện dạy học, thiết kế và sắp xếp các hoạt động dạy học, thực hiện các hoạt động dạy học cũng như xử lý các tình huống sư phạm dựa trên các nguyên tắc dạy học.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	PP đánh giá
---------------------------	--------------------------	---------------------------	--------------------

CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức về đường hướng và phương pháp và nguyên tắc trong dạy học tiếng Anh	TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng kỹ năng tự học vào quá trình đào tạo, phát triển bản thân và phát triển chuyên môn đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.2	S3	Vận dụng kỹ năng dạy học cơ bản vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	TNKQ Tự luận
CLO2.3	A3	Thể hiện đạo đức và phẩm chất nhà giáo trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.1	S3	Sử dụng kỹ năng giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)

ENG30006: Nghe - Nói tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 4 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 1* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói ở bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 4; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng nghe, nói tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng nghe, nói tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng nghe - nói chuyên sâu ở trình độ bậc 4 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 4 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG30017: Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh

Mô tả học phần:

Từ vựng- Ngữ nghĩa học tiếng Anh là học phần bắt buộc trong CTĐT cử nhân và sư phạm Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về từ, ngữ, thành phần cấu tạo từ, quá trình tạo từ, nghĩa từ và câu trong tiếng Anh; kỹ năng phân tích thành phần, cấu trúc, mối quan hệ về nghĩa của từ, ngữ chính xác khi đọc, dịch văn bản tiếng Anh; khả năng vận dụng linh hoạt những kiến thức của môn học vào các môn học khác cũng như dịch, đọc các văn bản hay trong hoạt động giao tiếp hằng ngày.

Mục tiêu:

Học phần Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Anh trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến từ vựng trong tiếng Anh như cấu trúc từ tiếng Anh, phân loại từ trong dưới các góc độ sử dụng, các loại nghĩa từ; giúp sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp; và giúp hình thành các ý tưởng dạy từ vựng hiệu quả cho học sinh phổ thông.

Chuẩn đầu ra:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1.1	K3	Giải thích các khái niệm, các nguyên lí tạo từ, cấu cơ bản trong tiếng Anh; sự khác biệt về văn phong của từ, từ Anh-Anh, Anh-Mỹ, các nét nghĩa của từ.	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO 2.1	S2	Vận dụng kiến thức của học phần vào dịch, đọc, viết văn bản và hoạt động giao tiếp hằng ngày. Phân tích các vấn đề liên quan đến từ vựng và ngữ nghĩa trong câu.	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược, Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.1	S2	Thảo luận , thuyết trình về các vấn đề liên quan cách thức cấu tạo từ trong tiếng Anh, so sánh các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh và tiếng Việt, các khía cạnh nghĩa của từ, câu.	Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược, Hoạt động cá nhân (tự học)	Câu hỏi TNKQ Hồ sơ học phần
CLO 3.2	S2	Vận dụng kiến thức lí luận của học phần vào hoạt động nghề nghiệp.	Thảo luận nhóm, Thuyết trình	Hồ sơ học phần
CLO 4.2	C2	Hình thành các ý tưởng dạy từ vựng cho người học tiếng Anh.	Thảo luận nhóm, Thuyết trình	Hồ sơ học phần

INF20005: Ứng dụng ICT trong giáo dục**Mô tả học phần:**

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trang bị các kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông cho sinh viên hệ Cử nhân Sư phạm. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng linh hoạt thích ứng trong thời đại kỹ nguyên số, sử dụng hiểu biết và các kỹ năng đó như là công cụ để học tập và nghiên cứu nội dung các môn học tiếp theo, ứng dụng hiệu quả kiến thức ICT trong công việc giảng dạy sau này.

Mục tiêu:

1. Học phần Ứng dụng ICT trong giáo dục trình bày tổng quan về ICT, chuyển đổi số trong giáo dục; Phần mềm xây dựng bài giảng điện tử; Quy trình xây dựng học liệu số; Ứng dụng LMS trong hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá; Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin trong hỗ trợ dạy học; Quy trình thực hiện dự án học phần.
2. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch làm đề tài đồ án liên quan đến ngành học; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để ứng dụng ICT đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra:

1. Giải thích các khái niệm cơ bản về ICT trong bối cảnh chuyển đổi số trường học
2. Trình bày vai trò của ICT và chuyển đổi số trong giáo dục
3. Thể hiện khả năng tìm kiếm, tổng hợp thông tin từ Internet và nhiều nguồn khác nhau để xây dựng bài giảng điện tử
4. Hình thành các bước ứng dụng ICT trong xây dựng bài giảng điện tử
5. Thể hiện kỹ năng kết nối và sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm trong việc nâng cao hiệu quả dạy học
6. Thể hiện khả năng hình thành và tổ chức hiệu quả các hoạt động nhóm
7. Thể hiện kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình vấn đề thuyết phục
8. Hình thành ý tưởng xây dựng học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học
9. Thiết kế học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học
10. Thể hiện đạo đức, tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong thời đại số.

ENG30013: Đọc - Viết tiếng Anh 2**Mô tả học phần**

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 2* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5; triển

khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng đọc-viết tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng đọc, viết tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng đọc – viết chuyên sâu ở trình độ cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG31042: Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Học phần *Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần

tập trung vào (1) giải thích các nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật cơ bản về thiết kế giáo án, tiến hành bài giảng kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp), cách thức triển khai các hoạt động cơ bản về dạy học và quản lý lớp học theo CTGDPT môn tiếng Anh cấp THPT, (2) phân tích bài dạy kiến thức ngôn ngữ, (3) thiết kế các hoạt động giảng dạy kiến thức ngôn ngữ theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT, và (4) thực hành hoạt động giảng dạy kiến thức ngôn ngữ và quản lý lớp học theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT

Mục tiêu

Học phần *Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1* trang bị các kỹ thuật và phương pháp giảng dạy kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm) và các kỹ thuật quản lý lớp học. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc vận dụng các kỹ thuật và PPGD đã được trang bị để xây dựng kế hoạch và triển khai bài dạy kiến thức ngôn ngữ theo CTGD phổ thông môn tiếng Anh cấp THPT; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần liên quan đến dạy học kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và quản lý lớp học hiệu quả đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	PP đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức về dạy học kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm) và cách thức quản lý giờ học tiếng Anh theo CTGDPT môn tiếng Anh cấp THPT	TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.2	S3	Vận dụng kỹ năng tự học vào quá trình đào tạo, phát triển bản thân và phát triển chuyên môn đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.3	S3	Vận dụng kỹ năng dạy học vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	TNKQ Tự luận
CLO2.4	A3	Thể hiện phong cách nhà giáo trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)

CLO3.1	S3	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện hiệu quả các tương tác giữa thành viên nhóm nhằm hoàn thành nhiệm vụ dạy học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.2	S3	Sử dụng kỹ năng giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.1	C3	Phân tích bối cảnh xã hội với các hoạt động dạy học học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.2	C3	Hình thành ý tưởng cho các hoạt động dạy học kiến thức ngôn ngữ và cách thức quản lý giờ học tiếng Anh cấp THPT để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.3	C3	Xây dựng kế hoạch bài dạy kiến thức ngôn ngữ và quản lý giờ học tiếng Anh cấp THPT để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.4	C3	Triển khai kế hoạch bài dạy kiến thức ngôn ngữ và quản lý giờ học tiếng Anh cấp THPT để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)

ENG30016: Nghe - Nói tiếng Anh 2

Mô tả học phần

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 2* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng nghe, nói tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng nghe, nói tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng nghe - nói chuyên sâu ở trình độ cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S3	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

POL10002: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Mục tiêu:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

CO1: Nhận diện các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

CO2: Thể hiện được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

CO3: Vận dụng kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích được</i> nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	<i>Giải thích được</i> định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	A4	<i>Bồi dưỡng được</i> bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.	Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO2.2	S3	<i>Rèn luyện được</i> kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.	Thảo luận/tự học	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá

ENG30053: Văn hóa Anh - Mỹ**Mô tả học phần**

Học phần *Văn hóa Anh – Mỹ* là học phần bắt buộc thuộc khối chuyên ngành của CTĐT Cử nhân Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Anh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Anh – Mỹ; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá trào lưu văn học và văn hóa Anh – Mỹ qua các giai đoạn lịch sử và qua một số tác phẩm văn học tiêu biểu; giúp sinh viên có năng lực phát hiện và phát triển các giá trị trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.

Học phần Đất nước học các quốc gia nói tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học

phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước con người, lịch sử, thể chế, giáo dục, phong tục tập quán của các quốc gia nói tiếng Anh; phát triển cho sinh viên những kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; giúp sinh viên có thái độ đúng đắn và thể hiện phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của cơ quan, doanh nghiệp trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Mục tiêu

Học phần *Văn hóa Anh – Mỹ* cung cấp kiến thức về văn hóa tiêu biểu của Anh Quốc, Hoa Kỳ và 1 số quốc gia nói tiếng Anh là ngôn ngữ thứ nhất. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc phân tích đánh giá các vấn đề liên quan đến văn hóa để xây dựng môi trường văn hóa tại nơi làm việc; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần liên quan đến văn hóa Anh – Mỹ đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	PP đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức văn hóa Anh -Mỹ vào dạy học môn tiếng Anh và giải quyết các xung đột văn hóa, trong môi trường làm việc	TNKQ
CLO2.1	S3	Vận dụng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để tổ chức các hoạt động liên quan đến văn hóa trong môi trường làm việc đa văn hóa	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.1	S3	Vận dụng kỹ năng hợp tác để tham gia hiệu quả vào các hoạt động hợp tác và học tập cộng tác để cùng nhau hướng tới một mục tiêu đáp ứng yêu cầu của công việc và phát triển nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.2	S3	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện hiệu quả các tương tác giữa thành viên nhóm nhằm hoàn thành nhiệm vụ	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.3	S3	Sử dụng kỹ năng giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.1	C3	Hình thành ý tưởng cho các hoạt động tìm hiểu, phát triển bản sắc văn hóa trong môi trường làm việc đa văn hóa	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.2	C3	Thiết kế các hoạt động liên quan đến tìm hiểu, phân tích, phát triển các giá trị văn hóa Anh Mỹ để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)

ENG30021: Đọc - Viết tiếng Anh 3

Mô tả học phần

Học phần *Đọc -Viết tiếng Anh 3* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 3* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 5; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng đọc, viết tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng đọc, viết tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng đọc- viết chuyên sâu ở trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S4	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S4	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 5 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG30023: Nghe - Nói tiếng Anh 3

Mô tả học phần

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 3* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 3* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 5; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng nghe, nói tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng nghe, nói tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) chuyên sâu ở trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Vận dụng kỹ năng nghe - nói chuyên sâu ở trình độ bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S4	Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S4	Vận dụng thông tin chuyên sâu về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 5 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG31044: Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2

Mô tả học phần

Học phần *Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào (1) giải thích các nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật thiết kế giáo án, tiến

hành bài giảng theo chương trình tiếng Anh cấp THPT, (2) phân tích các loại hình bài dạy (bài dạy kiến thức ngôn ngữ, bài dạy kỹ năng, bài dạy giao tiếp và văn hóa, bài dạy theo dự án), (3) thiết kế các hoạt động giảng dạy theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT, và (4) thực hành hoạt động giảng dạy theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT

Mục tiêu

Học phần *Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2* trang bị các kỹ thuật và phương pháp giảng dạy kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), văn hóa – giao tiếp và các hoạt động dạy học dựa vào dự án. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc vận dụng các kỹ thuật và PPGD đã được trang bị để xây dựng kế hoạch và triển khai bài dạy môn tiếng Anh theo CTGD phổ thông; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần liên quan đến dạy học môn tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	PP đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng kiến thức về dạy học môn tiếng Anh ở trường THPT	TNKQ
CLO2.1	S4	Vận dụng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.2	S4	Vận dụng kỹ năng tự học vào quá trình đào tạo, phát triển bản thân và phát triển chuyên môn đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.3	S4	Vận dụng kỹ năng dạy học vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	TNKQ Tự luận
CLO2.4	A4	Thể hiện phong cách nhà giáo trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.1	S4	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện hiệu quả các tương tác giữa thành viên nhóm nhằm hoàn thành nhiệm vụ dạy học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.2	S4	Sử dụng kỹ năng giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.1	C4	Phân tích bối cảnh nhà trường với các hoạt động dạy học học môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.2	C4	Hình thành ý tưởng cho các hoạt động dạy học môn tiếng Anh cấp THPT để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)

CLO4.3	C4	Xây dựng kế hoạch bài dạy môn tiếng Anh cấp THPT để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.4	C4	Triển khai kế hoạch bài dạy môn tiếng Anh cấp THPT để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)

ENG30054: Viết khoa học

Học phần *Viết khoa học* chuyên ngành tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về các phương pháp nghiên cứu khoa học, đặc biệt là những phương pháp thường được áp dụng để thực hiện các nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên ngành phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Bên cạnh đó, học phần này còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu cần thiết để có thể thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình, đồng thời xây dựng ý thức nghiên cứu để cải thiện thực trạng và phát triển nghề nghiệp. Học phần cũng giúp cho người học xây dựng niềm vui và đam mê nghiên cứu khoa học để phục vụ cộng đồng.

ENG31043: Biên dịch

Học phần *Biên dịch* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh. Học phần này nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên sâu và lý luận ngôn ngữ Anh vào hoạt động biên dịch, tiếp cận những kỹ năng dịch cơ bản và các kỹ thuật dịch để làm việc với các loại văn bản khác nhau. Học phần cũng đồng thời giúp sinh viên tích lũy kiến thức về các vấn đề toàn cầu, xây dựng vốn từ vựng phong phú về các chủ đề quen thuộc, phát triển khả năng tự học và xây dựng ý thức tự rèn luyện.

ENG30033: Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ

Mô tả học phần

Học phần *Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần này cung cấp cho người học những lý thuyết cơ bản về kiểm tra đánh giá.

Mục tiêu

Học phần *Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ* nhằm cung cấp cho người học những nguyên tắc cơ bản về cách thiết kế và tiến hành các kỹ thuật kiểm tra ngôn ngữ, cụ thể là tiếng Anh; lý luận cơ bản về kiểm tra trong việc giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng; và giới thiệu cho sinh viên những loại hình bài kiểm tra, thi phù hợp với trình độ học sinh cấp THPT

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR	Mô tả CĐR học phần	PP đánh giá
--------------------	----------	--------------------	-------------

	học phần		
CLO1.1	K4	Vận kiến thức về kiểm tra - đánh giá để thực hiện hiệu quả công tác dạy học môn tiếng Anh cấp THPT	TNKQ
CLO2.1	S4	Vận dụng kỹ năng tự học vào quá trình đào tạo, phát triển bản thân và phát triển chuyên môn đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.2	S4	Vận dụng kỹ năng về công nghệ, công nghệ thông tin và học liệu số vào các hoạt động kiểm tra đánh giá để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh xã hội	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.3	S4	Vận dụng kỹ năng thiết kế đề kiểm tra vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	TNKQ Tự luận
CLO3.1	S4	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện hiệu quả các tương tác giữa thành viên nhóm nhằm hoàn thành nhiệm vụ liên quan đến kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)

ENG31037: Tiếng Anh nâng cao

Mô tả học phần

Học phần *Tiếng Anh nâng cao* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở nâng cao ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết nâng cao theo các chủ đề ở bậc 5 và bậc 6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nâng cao và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và bậc 6 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

Mục tiêu

Học phần *Tiếng Anh nâng cao* cung cấp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở bậc 5 và bậc 6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và bậc 6; triển khai các ý tưởng thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và phát triển tư duy phân biện; đánh giá và cải tiến các kỹ năng tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K5	Vận dụng kiến thức nâng cao về ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 5 và bậc 6 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K5	Vận dụng kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nâng cao ở trình độ bậc 5 và bậc 6 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Thuyết giảng, Học tập kết hợp, Lớp học đảo ngược	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S5	Vận dụng hiệu quả kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO2.2	S5	Vận dụng hiệu quả thông tin chuyên sâu và nâng cao về các chủ đề trong học phần tương thích với bậc 5 và bậc 6 theo Khung NLNN 6 bậc để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật	Hoạt động cá nhân (tự học)	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S5	Sử dụng hiệu quả các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động đóng vai, tranh luận, trình bày quan điểm, thuyết trình, viết thư, viết luận, ... thông qua trao đổi trực tiếp, thư điện tử, diễn đàn, trang tin điện tử chuyên sâu về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 5 và bậc 6 theo Khung NLNN.	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

ENG31030: Thiết kế chương trình và phát triển học liệu

Mô tả học phần

Học phần *Thiết kế chương trình và phát triển học liệu* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào (1) giải thích các khái niệm và các khía cạnh cơ bản của quá trình thiết kế và phát triển học liệu chương trình dạy tiếng Anh, (2) phân tích môi trường và nhu cầu của việc học tiếng Anh nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh phổ thông theo Chương trình giáo

dục phổ thông tại Việt Nam. (3) phân tích các đường hướng xây dựng chương trình môn Tiếng Anh và nội dung SGK Tiếng Anh lớp 10, 11 và 12 theo chương trình GDPT. Học viên có khả năng vận dụng mô hình thiết kế ngược (backward design) để thiết kế 1 đơn vị bài học và phát triển tài liệu phù hợp với nội dung chương trình học hiện hành để đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Mục tiêu

Học phần *Thiết kế chương trình và phát triển học liệu* trang bị kiến thức về thiết kế chương trình và phát triển học liệu môn tiếng Anh và quy trình thực hiện dự án học phần. liên quan đến chương trình môn tiếng Anh. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc xây dựng ý tưởng, thiết kế và triển khai một chương trình và phát triển học liệu môn tiếng Anh cho một đối tượng người học cụ thể phù hợp bối cảnh nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Chuẩn đầu ra

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	PP đánh giá
CLO1.1	K5	Vận dụng kiến thức về phát triển chương trình và phát triển học liệu để thực hiện hiện quả việc dạy học môn tiếng Anh ở trường THPT	TNKQ
CLO2.1	S5	Vận dụng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để thực hiện dự án liên quan đến dạy học tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.2	S5	Vận dụng kỹ năng về công nghệ thông tin và học liệu số vào thiết kế chương trình và phát triển học liệu môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.3	S5	Thể hiện phong cách nhà giáo trong các hoạt động thiết kế chương trình và phát triển học liệu môn tiếng Anh	TNKQ Tự luận
CLO3.1	A5	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện hiệu quả các tương tác giữa thành viên nhóm nhằm hoàn thành dự án liên quan đến thiết kế chương trình và phát triển học liệu môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.2	S5	Sử dụng kỹ năng giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động thiết kế chương trình và phát triển học liệu môn tiếng Anh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.1	C5	Hình thành ý tưởng cho các hoạt động thiết kế chương trình và phát triển học liệu môn tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu đào tạo và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.2	C5	Thiết kế chương trình môn tiếng Anh và phát triển học liệu để phù hợp với bối cảnh nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu cần đạt của CTGP phổ thông	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.3	C5	Triển khai chương trình môn tiếng Anh và học liệu đã thiết kế cho một đối tượng người học cụ thể	Phiếu đánh giá (Rubrics)

CLO4.4	C5	Cải tiến các hoạt động phát triển chương trình môn tiếng Anh và học liệu để đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
--------	----	---	--------------------------

ENG31039: Thực tập và Đồ án tốt nghiệp

Mô tả học phần:

Học phần *Thực tập và Đồ án tốt nghiệp* là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh. Học phần giúp người học thực hành các kỹ năng dạy học tiếng Anh và các hoạt động giáo dục ở trường THPT. Ngoài ra người học có khả năng thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành nghề đào tạo. Người học có khả năng vận dụng các PPDH tích cực để thực hiện hiệu quả chương trình GDPT; vận dụng các phương pháp khoa học vào việc lựa chọn đề tài, thu thập tư liệu, phân tích, xử lý tư liệu để giải quyết vấn đề, viết báo cáo và công bố kết quả nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục và hoàn thành đồ án, người học sử dụng được những PP và kỹ thuật GD; áp dụng các kỹ thuật và quy định liên quan đến hình thức trình bày một công trình nghiên cứu, cách thức trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình khoa học và kỹ năng CNTT. Người học có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, thể hiện ý thức, thái độ khách quan, trung thực và các chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu.

Mục tiêu:

Học phần *Khóa luận và thực tập tốt nghiệp* nhằm củng cố và nâng cao kiến thức chuyên sâu một vấn đề về lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh trong bối cảnh hội nhập. Học phần này hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng các lý thuyết và phương pháp đã học để tiến hành thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THPT. Ngoài ra người học còn tiến hành thực hiện một nghiên cứu khoa học theo đúng quy trình, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thông qua học phần này, sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học (kỹ năng xác định và hình thành vấn đề nghiên cứu, đặt giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thu thập và xử lý tư liệu, viết báo cáo, trình bày và công bố kết quả nghiên cứu), kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và rèn luyện ý thức trách nhiệm và đạo đức của người nghiên cứu khoa học.

Chuẩn đầu ra:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	PP đánh giá
CLO1.1	K5	Vận dụng kiến thức về dạy học và giáo dục để thực hiện hiệu quả công tác dạy học môn tiếng Anh, công tác giáo dục và phát triển nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO1.1	K5	Vận dụng kiến thức về các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp và văn hóa nhà trường để tổ chức và thực hiện hiệu quả công tác dạy giáo dục, tư vấn và hướng nghiệp cho học sinh	Phiếu đánh giá (Rubrics)

CLO2.1	S5	Vận dụng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học cơ bản về ngôn ngữ và khoa học giáo dục	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.2	S5	Vận dụng kỹ năng về công nghệ, công nghệ thông tin và học liệu số vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.3	S5	Vận dụng kỹ năng dạy học vào các hoạt động dạy học môn tiếng Anh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.4	S4	Vận dụng kỹ năng giáo dục để rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục văn hóa, thân thiện, dân chủ, lành mạnh, và an toàn	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.5	A5	Thể hiện đạo đức và phẩm chất nhà giáo trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và công tác giáo dục học sinh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO2.6	A5	Thể hiện phong cách nhà giáo trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh và công tác giáo dục học sinh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.1	S5	Vận dụng kỹ năng hợp tác để tham gia hiệu quả vào các hoạt động hợp tác và học tập cộng tác để cùng nhau hướng tới một mục tiêu dạy học, giáo dục và nghiên cứu tiếng Anh đáp ứng yêu cầu của công việc và phát triển nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO3.2	S5	Sử dụng kỹ năng giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động dạy học môn tiếng Anh, giáo dục và nghiên cứu khoa học trong môi trường đa văn hóa	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.1	A5	Phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông, vai trò và trách nhiệm của giáo viên tiếng Anh để phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.2	A5	Phân tích bối cảnh nhà trường với các hoạt động dạy học và giáo dục để xây dựng văn hóa nhà trường, thực hiện quyền dân chủ và môi trường giáo dục an toàn trong trường học	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.3	C5	Hình thành ý tưởng cho các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học	Phiếu đánh giá (Rubrics)

		để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	
CLO4.4	C5	Thiết kế các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.5	C5	Triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)
CLO4.6	C5	Cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn tiếng Anh, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

5.1. Căn cứ pháp lí để xây dựng và thực hiện chương trình

Chương trình giáo dục đại học ngành SPTA được thiết kế dựa trên các văn bản sau:
Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy định số 2294/ĐT ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh cụ thể hoá một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Công văn 9404/BGDĐT-GDDH và Bảng tổng hợp kết quả rà soát của Bộ Giáo dục và Đào tạo các chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh.

- Kế hoạch số 1610/ĐHV-ĐT ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.

- Quyết định số 132/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Vinh.

- Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.

- Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học.

Chương trình khung trình bày tóm tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo ngành SPTA với thời lượng 4 năm.

- Trên cơ sở khung chương trình, bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề cương chi tiết học phần, tiến tới biên soạn bài giảng, giáo trình học phần. Bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự đã được hội đồng khoa học thông qua.

- Hàng năm Hội đồng Khoa học - Đào tạo sẽ đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàng năm chiếm tỷ trọng tối đa là 20%;

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

5.2. Trách nhiệm của bộ môn/khoa/trường

- Nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu căn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần;

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

5.3. Trách nhiệm của giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, bài tập lớn, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn sinh viên viết báo cáo dự án, khóa luận tốt nghiệp.

5.4. Trách nhiệm của sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ;

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar;

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu;

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

Bảng phụ 1.1. Đội ngũ giảng dạy cho CTĐT ngành SP tiếng Anh

TT	Học phần	Số TC	Họ và tên/Học hàm, Học vị	Khoa/Viện
1	Nhập môn ngành sư phạm	3	- Nguyễn Thị Kim Anh Tiến sĩ	Trường Sư phạm
			- Phan Thị Hương Thạc sĩ	
			- Hoàng Tăng Đức Thạc sĩ	
			- Đặng Thị Nguyên Thạc sĩ	
			- Lê Thị Thanh Bình Thạc sĩ	
			- Văn Thị Hà Thạc sĩ	
			- Biện Thị Quỳnh Nga Tiến sĩ	
			- Ngô Thị Quỳnh Nga Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Thanh Trâm Tiến sĩ	
			- Thạch Kim Hương Thạc sĩ	
3	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1	5	- Lê Thị Tuyết Hạnh Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Trần Thị Phương Thảo Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Tô Hằng Thạc sĩ	
			- Phạm Thị Lương Giang Thạc sĩ	
			- Trần Thị Thu Trang Thạc sĩ	
			- Lê Diệu Linh Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Hiền Lương Thạc sĩ	
			- Phạm Xuân Sơn Thạc sĩ	
4	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2	6	- Nguyễn Thị Tường Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Trần Thị Phương Thảo Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Tô Hằng Thạc sĩ	
			- Phạm Thị Lương Giang Thạc sĩ	
			- Trần Thị Thu Trang Thạc sĩ	
			- Lê Diệu Linh Thạc sĩ	
5	Ngữ pháp tiếng Anh	3	- Nguyễn Thị Hiền Lương Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Võ Thị Hồng Minh Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Lam Giang Thạc sĩ	
			- Nguyễn Văn Anh Thạc sĩ	
			- Đinh Thị Mai Anh Thạc sĩ	
6	Triết học Mác - Lênin	3	- Nguyễn Thị Kim Anh Tiến sĩ	Khoa GD chính trị
			- Phạm Thị Bình Tiến sĩ	
			- Trần Việt Quang PGS. Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thái Sơn PGS. Tiến sĩ	
			- Lê Thị Nam An Thạc sĩ	
			- Nguyễn Văn Sang Thạc sĩ	
			- Đinh Thế Định PGS. Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Diệp Thạc sĩ	
			- Ng. Thị Hải Yến Thạc sĩ	
			- Ng. Thị Mỹ Hương Thạc sĩ	
7	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3	5	- Vũ Thị Phương Lân Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Phạm Thị Thúy Hồng Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Tường Tiến sĩ	
			- Trần Thị Phương Thảo Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Tô Hằng Thạc sĩ	
			- Phạm Thị Lương Giang Thạc sĩ	
8	Ngữ âm – âm vị tiếng Anh	3	- Trần Thị Thu Trang Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Lê Diệu Linh Thạc sĩ	
			- Võ Thị Hồng Minh Thạc sĩ	
9	Độc - Viết tiếng Anh 1	4	- Nguyễn Thị Lam Giang Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Nguyễn Văn Anh Thạc sĩ	
			- Trần Thị Khánh Tùng Tiến sĩ	
			- Vũ Thị Việt Hương Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Tường Thạc sĩ	

			- Cao Thị Phương	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Lam Giang	Thạc sĩ	
10	Nghe - Nói tiếng Anh 1	4	- Nguyễn Thị Tô Hằng	Thạc sĩ	
			- Lê Diệu Linh	Thạc sĩ	
			- Văn Thị Hà	Thạc sĩ	
			- Trần Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Hiền Lương	Thạc sĩ	
11	Tâm lý học	3	- Dương Thị Thanh Thanh	Tiến sĩ	Khoa Tâm lý-Giáo dục
			- Lê Thục Anh	Tiến sĩ	
			- Dương Thị Linh	Thạc sĩ	
			- Trần Hằng Ly	Tiến sĩ	
			- Trần Mỹ Linh	Thạc sĩ	
12	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	- Phạm Thị Bình	Tiến sĩ	Khoa GD chính trị
			- Trần Viết Quang	PGS.Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thái Sơn	PGS. Tiến sĩ	
			- Lê Thị Nam An	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Văn Sang	Thạc sĩ	
			- Đinh Thế Định	PGS. Tiến sĩ	
13	Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2	- Trần Thị Ngọc Yến	Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Lê Thị Thanh Bình	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Bích Hiền	Thạc sĩ	
			- Đặng Thị Nguyên	Thạc sĩ	
14	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh	3	- Võ Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Trần Bá Tiến	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Văn Anh	Thạc sĩ	
			- Đinh Thị Mai Anh	Thạc sĩ	
15.1	Tiếng Nga 1 (tự chọn 1)	3	- Vũ Thị Hà	Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Trần Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	
			- Phạm Thị Lương Giang	Thạc sĩ	
15.2	Tiếng Pháp 1 (tự chọn 1)	3	- Nguyễn Duy Bình	Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Trần Giang Nam	Thạc sĩ	
			- Lưu Ngọc Bảo	Thạc sĩ	
			- Thái Anh Tuấn	Thạc sĩ	
			- Trương Thị Minh	Thạc sĩ	
			- Phạm Xuân Sơn	Thạc sĩ	
15.3	Tiếng Trung 1 (tự chọn 1)	3	- Ng. Thị Hồng Thắm	Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Lê Thái Bình	Thạc sĩ	
			- Hoàng Thị Chung	Thạc sĩ	
16.1	Tiếng Nga 2 (Tự chọn)	4	- Vũ Thị Hà	Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Trần Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	
			- Phạm Thị Lương Giang	Thạc sĩ	
16.2	Tiếng Pháp 2 (tự chọn 2)	4	- Nguyễn Duy Bình	Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Trần Giang Nam	Thạc sĩ	
			- Lưu Ngọc Bảo	Thạc sĩ	
			- Thái Anh Tuấn	Thạc sĩ	
			- Trương Thị Minh	Thạc sĩ	
			- Phạm Xuân Sơn	Thạc sĩ	
16.3	Tiếng Trung 2 (tự chọn 2)	4	- Ng. Thị Hồng Thắm	Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Lê Thái Bình	Thạc sĩ	
			- Hoàng Thị Chung	Thạc sĩ	
17	Giáo dục học	4	- Nguyễn Thị Nhân	Tiến sĩ	Khoa Tâm lý-Giáo dục
			- Nguyễn Thị Hường	PGS. Tiến sĩ	
			- Phạm Minh Hùng	PGS. Tiến sĩ	
			- Nguyễn Như An	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Tiến sĩ	
			- Bùi Văn Hùng	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Trung Kiên	Thạc sĩ	
			- Bùi Thị Thùy Dương	Thạc sĩ	
18		2	- Nguyễn Văn Trung	Tiến sĩ	

	Chủ nghĩa xã hội khoa học		- Phan Quốc Huy - Trần Cao Nguyên	Thạc sĩ Tiến sĩ	Khoa Chính trị và Báo chí
A	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (GDQP1)	(2)	- Trần Văn Thông - Nguyễn Đình Lưu - Lê Duy Hiếu - Trần Văn Phú - Bùi Đức Công - Trần Văn Long - Nguyễn Phong Quang - Nguyễn Minh Quyết	Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Cử nhân Cử nhân Thạc sĩ Cử nhân Thạc sĩ	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh
B	Công tác quốc phòng và an ninh (GDQP 2)	(2)	- Trần Văn Thông - Nguyễn Đình Lưu - Lê Duy Hiếu - Trần Văn Phú - Bùi Đức Công - Trần Văn Long - Nguyễn Phong Quang - Nguyễn Minh Quyết	Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Cử nhân Cử nhân Thạc sĩ BA. Thạc sĩ	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh
C	Quân sự chung (GDQP3)	(2)	- Trần Văn Thông - Nguyễn Đình Lưu - Lê Duy Hiếu - Trần Văn Phú - Bùi Đức Công - Trần Văn Long - Nguyễn Phong Quang - Nguyễn Minh Quyết	Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Cử nhân Cử nhân Thạc sĩ Cử nhân Thạc sĩ	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh
D	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật (GDQP4)	(2)	- Phạm Tiến Dũng - Nguyễn Hùng Cường - Nguyễn Ngọc Dũng - Nguyễn Thế Tiến - Nguyễn Đình Phi - Đoàn Quang Dũng - Lưu Văn Mạnh - Đinh Thị Hải	Cử nhân Cử nhân Cử nhân Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Cử nhân Cử nhân	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh
E	Giáo dục thể chất	(5)	- Võ Văn Đăng - Lê Minh Hải - Nguyễn Mạnh Hùng - Châu Hồng Thắng - Văn Đình Cường - Đậu Thị Bình Hương - Nguyễn Thị Lài - Đậu Bắc Sơn - Phan Sinh	Tiến sĩ Thạc sĩ Tiến sĩ Thạc sĩ Tiến sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa Giáo dục Thể chất
19	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	- Trần Thị Kim Oanh - Cao Thanh Sơn - Trần Xuân Sang - Dương Xuân Giáp - Nguyễn Thị Việt Hà	Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ	Trường Sư phạm
20	Độc - Viết tiếng Anh 2	4	- Trần Thị Khánh Tùng - Vũ Thị Việt Hương - Nguyễn Thị Tường - Cao Thị Phương	Tiến sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
21	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	4	- Trần Thị Ngọc Yến - Nguyễn Thị Bích Hiền - Lê Thanh Bình - Đặng Thị Nguyên	Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ

22	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	- Nguyễn Văn Trung	Tiến sĩ	Khoa GD chính trị
			- Phan Quốc Huy	Thạc sĩ	
			- Trần Cao Nguyên	Tiến sĩ	
			- Trần Thị Hạnh	Thạc sĩ	
			- Phan Thị Nhuận	Thạc sĩ	
			- Dương Thị Mai Hoa	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Lê Vinh	Thạc sĩ	
23	Nghe - Nói tiếng Anh 2	4	- Nguyễn Thị Tô Hằng	Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Lê Diệu Linh	Thạc sĩ	
			- Văn Thị Hà	Thạc sĩ	
			- Trần Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Hiền Lương	Thạc sĩ	
24	Văn hóa Anh - Mỹ	4	- Nguyễn Hữu Quyết	Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Nguyễn Duy Bình	Tiến sĩ	
			- Dương Đức Ánh	Thạc sĩ	
			- Lê Thị Thúy Hà	Thạc sĩ	
25	Đọc - Viết tiếng Anh 3	4	- Trần Thị Khánh Tùng	Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Vũ Thị Việt Hương	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Tường	Thạc sĩ	
			- Cao Thị Phương	Thạc sĩ	
26	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2	4	Trần Thị Ngọc Yến	PGS Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Hoàng Tăng Đức	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Bích Hiền	Thạc sĩ	
			- Lê Thị Thanh Bình	Thạc sĩ	
			- Văn Thị Hà	Thạc sĩ	
			- Đặng Thị Nguyên	Thạc sĩ	
27	Nghe - Nói tiếng Anh 3	4	- Nguyễn Thị Tô Hằng	Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Lê Diệu Linh	Thạc sĩ	
			- Văn Thị Hà	Thạc sĩ	
			- Trần Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Hiền Lương	Thạc sĩ	
			- Hoàng Tăng Đức	Thạc sĩ	
			- Phan Thị Hương	Thạc sĩ	
28	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	- Bùi Thị Cần	Tiến sĩ	Khoa GD Chính trị
			- Phan Văn Tuấn	Tiến sĩ	
			- Hoàng Thị Nga	Thạc sĩ	
			- Ng. Thị Kim Chi	Thạc sĩ	
			- Lê Thị Thanh Hiếu	Thạc sĩ	
29	Viết khoa học	2	- Lê Thị Tuyết Hạnh	Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Nguyễn Hữu Quyết	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Xuân Bình	Tiến sĩ	
			- Trần Thị Ngọc Yến	PGS Tiến sĩ	
			- Ngô Đình Phương	PGS Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Kim Anh	Tiến sĩ	
30.1	Ngôn ngữ học đối chiếu (tự chọn 3)		- Võ Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Ngô Đình Phương	PGS Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Kim Anh	Tiến sĩ	
30.2	Ngữ dụng học (tự chọn 3)		- Võ Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Ngô Đình Phương	PGS Tiến sĩ	
			- Nguyễn Xuân Bình	Tiến sĩ	
30.3	Phân tích diễn ngôn (tự chọn 3)		- Võ Thị Hồng Minh	Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Ngô Đình Phương	PGS Tiến sĩ	
			- Nguyễn Xuân Bình	Tiến sĩ	
31	Biên dịch	5	- Nguyễn Duy Bình	Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Nguyễn Hữu Quyết	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Lan Phương	Thạc sĩ	
32		3	- Trần Thị Ngọc Yến	PGS. Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ

	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ		- Nguyễn Thị Kim Anh - Nguyễn Thị Bích Hiền - Đặng Thị Nguyên	Tiến sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ	
33	Thiết kế chương trình và phát triển học liệu	3	- Trần Thị Ngọc Yến - Hoàng Tăng Đức - Văn Thị Hà	PGS.Tiến sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
34	Tiếng Anh nâng cao	2	- Phan Thị Hương - Hoàng Tăng Đức - Lê Diệu Linh - Đinh Thị Mai Anh - Cao Thị Phương - Nguyễn Thị Tường - Văn Thị Hà - Trần Thị Khánh Tùng - Trần Thị Thu Trang	Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
35.1	Nghiên cứu hành động (tự chọn 4)	3	- Lê Thị Tuyết Hạnh - Trần Thị Ngọc Yến	Tiến sĩ PGS.Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
35.2	Phương pháp dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (tự chọn 4)	3	- Hoàng Tăng Đức - Văn Thị Hà	Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
35.3	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học (tự chọn 4)	3	- Lê Thị Thanh Bình - Đặng Thị Nguyên	Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
35.4	Tư duy phản biện trong dạy học tiếng Anh (tự chọn 4)	3	- Nguyễn Thị Bích Hiền - Trần Thị Ngọc Yến	Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
36	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8	- Hoàng Tăng Đức - Nguyễn Thị Bích Hiền - Lê Thị Thanh Bình - Văn Thị Hà - Đặng Thị Nguyên - Trần Thị Ngọc Yến	Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ PGS.Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ

Bảng phụ 1.2. Đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành Sư phạm tiếng Anh

TT	Họ và tên,	Bộ môn	Giới tính	Năm sinh	TĐ chuyên môn	Học hàm
1	Ngô Đình Phương	Lý thuyết tiếng Anh	Nam	03/09/1958	Tiến sĩ	P. Giáo sư
2	Nguyễn Xuân Bình	Lý thuyết tiếng Anh	Nam	26/04/1957	Tiến sĩ	0
3	Vũ Thị Hà	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	07/05/1964	Tiến sĩ	0
4	Vũ Thị Việt Hương	Kỹ năng tiếng Anh	Nữ	17/07/1970	Thạc sĩ	0
5	Cao Thị Phương	Kỹ năng tiếng Anh	Nữ	28/01/1971	Thạc sĩ	0
6	Nguyễn Thị Tường	Kỹ năng tiếng Anh	Nữ	31/08/1970	Thạc sĩ	0
7	Võ thị Hồng Minh	Lý thuyết tiếng Anh	Nữ	20/08/1971	Thạc sĩ	0
8	Phan Thị Hương	Kỹ năng tiếng Anh	Nữ	20/03/1972	Thạc sĩ	0

9	Nguyễn Thị Lan Phương	Biên - Phiên dịch	Nữ	13/11/1972	Thạc sĩ	0
10	Phạm Xuân Sơn	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nam	22/06/1973	Thạc sĩ	0
11	Thái Anh Tuấn	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nam	20/09/1973	Thạc sĩ	0
12	Nguyễn Thị Vân Lam	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Nữ	10/10/1974	Tiến sĩ	0
13	Lê Thị Thúy Hà (A)	Biên - Phiên dịch	Nữ	04/01/1975	Thạc sĩ	0
14	Lưu Ngọc Bảo	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nam	14/11/1968	Thạc sĩ	0
15	Nguyễn Lê Hoài Thu	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	09/11/1975	Thạc sĩ	0
16	Hoàng Thị Chung	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	30/04/1975	Thạc sĩ	0
17	Trần Giang Nam	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nam	12/07/1974	Thạc sĩ	0
18	Trương Thị Minh	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	14/09/1977	Thạc sĩ	0
19	Nguyễn Thị Liên (A)	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	15/05/1974	Thạc sĩ	0
20	Nguyễn Thị Kim Anh (A)	Lý thuyết tiếng Anh	Nữ	19/10/1979	Tiến sĩ	0
21	Nguyễn Thị Hồng Thắm (A)	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	05/07/1978	Thạc sĩ	0
22	Trần Thị Phương Thảo	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	19/07/1980	Thạc sĩ	0
23	Nguyễn Duy Bình (B)	Biên - Phiên dịch	Nam	09/09/1975	Tiến sĩ	0
24	Nguyễn Thị Hiền Lương	Kỹ năng tiếng Anh	Nữ	22/09/1979	Thạc sĩ	0
25	Nguyễn Thị Lành	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	10/09/1978	Thạc sĩ	0
26	Lê Thái Bình	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nam	01/01/1976	Thạc sĩ	0
27	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Biên - Phiên dịch	Nữ	14/04/1980	Thạc sĩ	0
28	Nguyễn Thị Lam Giang	Lý thuyết tiếng Anh	Nữ	18/09/1980	Thạc sĩ	0
29	Lê Thị Tuyết Hạnh	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	20/01/1981	Tiến sĩ	0
30	Nguyễn Thị Bích Hiền (B)	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Nữ	21/05/1980	Thạc sĩ	0
31	Trần Thị Ngọc Yến	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Nữ	05/08/1980	Tiến sĩ	P.Giáo sư

32	Trần Thị Khánh Tùng	Kỹ năng tiếng Anh	Nữ	08/05/1977	Thạc sĩ	0
33	Nguyễn Hữu Quyết	Biên - Phiên dịch	Nam	14/09/1979	Tiến sĩ	0
34	Phạm Thị Lương Giang	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	17/07/1982	Thạc sĩ	0
35	Trần Thị Vân Anh (A)	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nữ	19/08/1979	Thạc sĩ	0
36	Nguyễn Thị Lan Hương	Lý thuyết tiếng Anh	Nữ	16/02/1976	Đại học	0
37	Nguyễn Thị Phương Thảo (B)	Lý thuyết tiếng Anh	Nữ	15/02/1985	Thạc sĩ	0
38	Nguyễn Thị Quỳnh Trang (B)	Lý thuyết tiếng Anh	Nữ	25/05/1985	Đại học	0
39	Trần Thị Hảo	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Nữ	20/03/1988	Thạc sĩ	0
40	Hoàng Tăng Đức	Kỹ năng tiếng Anh	Nam	02/01/1974	Thạc sĩ	0
41	Trần Thanh Tú	Biên - Phiên dịch	Nữ	05/06/1984	Thạc sĩ	0
42	Đinh Thị Mai Anh	Lý thuyết tiếng Anh	Nữ	02/12/1990	Thạc sĩ	0
43	Lê Thị Thanh Bình	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Nữ	24/10/1987	Thạc sĩ	0
44	Lê Hùng Việt	Lý thuyết tiếng Anh	Nam	29/03/1986	Thạc sĩ	0
45	Nguyễn Thị Tô Hằng	Kỹ năng tiếng Anh	Nữ	30/05/1988	Thạc sĩ	0
46	Trần Thị Thu Trang	Kỹ năng tiếng Anh	Nữ	19/08/1990	Thạc sĩ	0
47	Dương Đức Ánh	Biên - Phiên dịch	Nam	26/06/1990	Thạc sĩ	0
48	Nguyễn Văn Anh	Lý thuyết tiếng Anh	Nữ	19/11/1994	Thạc sĩ	0
49	Lê Diệu Linh	Kỹ năng tiếng Anh	Nữ	15/03/1995	Thạc sĩ	0
50	Phan Thị Đào Quyên	Lý thuyết tiếng Anh	Nữ	28/06/1991	Kỹ sư	0
51	Nguyễn Thị Dương Ngọc	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Nữ	30/06/1997	Thạc sĩ	0
52	Văn Thị Hà		Nữ	18/01/1997	Thạc sĩ	0
53	Lê Minh Tân	Biên - Phiên dịch	Nam	15/11/1990	Thạc sĩ	0

PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Bảng phụ 2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	212	15.723	- Ampli, loa - Máy chiếu	131 131	Tất cả các môn học
2	Giảng đường	4	930	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi - Tủ điều khiển	4 4 4 4 2	Tất cả các môn học
3	Phòng học đa phương tiện	62	6.032	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi - Tủ điều khiển	62 42 42 3 1	Tất cả các môn học
4	Phòng học ngoại ngữ	6	354	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Đầu đĩa - Tai nghe - Máy chủ	6 300 6 6 300 6	Các học phần Ngoại ngữ
5	Phòng máy tính	10	1.302	- Máy tính	1150	Các học phần tin học
6	Phòng làm việc phòng, ban, văn phòng khoa, trung tâm, viện...)	74	2.991	- Đầy đủ các thiết bị văn phòng		
7	Phòng thực hành, thí nghiệm	93	137.248	- Đầy đủ các thiết bị, máy móc phục vụ thực hành, thí nghiệm		Các học phần thực hành thí nghiệm

Bảng phụ 2.2. Phòng nghe nhìn, và trang thiết bị phục vụ thực hành biên phiên dịch

TT	Tên phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành	Diện tích (m^2)/ phòng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng thực hành máy tính	79	Máy tính (kết nối mạng LAN và Internet)	24	- Ứng dụng ICT trong giáo dục - Ứng dụng CNTT trong dạy học KHTN

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN

Bảng phụ 3.1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	1.1			1.2			1.3		2.1					2.2		3.1		3.2		4.1		4.2			
			1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
1	PED20002	Nhập môn ngành Sư phạm						K2			S2					A2		S2	S2			C2	C2	C2	C2	C2	
2	ENG21001	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1		K3								S2							S2								
3	POL11001	Triết học Mác-Lênin	K3								S2					A2											
4	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam			K3											A2											
5	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	K3								S2					A2											
6	ENG21002	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2		K3								S2							S2								
7	ENG31041	Ngữ pháp tiếng Anh		K3							S2	S2						S2	S2				C2	C2			
8		Tự chọn 1 (học phần 1 Ngoại ngữ thứ 2)										S2							S2	S2							
9	EDU21003	Tâm lý học				K3		K3						S2	S2	A2			S2								
10	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K3								S2					A2											
11	ENG20003	Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3		K3								S2							S2								
12	ENG30007	Ngữ âm - âm vị tiếng Anh		K3							S2	S2						S2	S2				C2	C2			
13		Tự chọn 1 (học phần 2 Ngoại ngữ thứ 2)										S2							S2	S2							
14	EDU20006	Giáo dục học				K4	K3	K3			S2			S2	S3		A2	S2		S2							
15	ENG30004	Đọc - Viết tiếng Anh 1		K4								S3							S3								
16	ENG30006	Nghe - Nói tiếng Anh 1		K4								S3							S3								

17	ENG30017	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh		K4						S3	S3						S3	S3					C3	C3		
18	ENG31015	Lý luận về PGD tiếng Anh					K3				S3		S3		A3		S3									
19	INF20005	ICT trong giáo dục								S3		S3			A3		S3	S3			C3	C3	C3	C3	C3	
20	POL11004	Lịch sử Đảng CSVN	K3							S2					A3											
21	ENG30013	Đọc - Viết tiếng Anh 2		K4							S3							S3								
22	ENG30016	Nghe - Nói tiếng Anh 2		K4							S3							S3								
23	ENG30053	Văn hóa Anh - Mỹ			K4					S2							S3	S3	S3				C3	C3		
24	ENG31042	Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1					K4			S3	S3		S3			A3		S3	S3		C4		C3	C3	C3	
25	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K3							S2					A3											
26	ENG30021	Đọc - Viết tiếng Anh 3		K4							S4							S4								
27	ENG30023	Nghe - Nói tiếng Anh 3		K4							S4							S4								
28	ENG31044	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2					K4			S4	S4		S4			A4		S4	S4			C4	C4	C4	C4	
29	ENG30054	Viết khoa học							K4	S4	S4							S4								
30		Tự chọn 1						K4			S4															
31	ENG31043	Biên dịch			K4						S4															
32	ENG30033	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ					K4				S4	S4	S4				S4									
33	ENG31037	Tiếng Anh nâng cao						K4			S5							S5								
34	ENG31030	Thiết kế chương trình và phát triển học liệu							K5	S5		S5				A5		S5	S5				C5	C5	C5	C5
35		Tự chọn 2							K5		S5	S5	S5		A4		S5									
36	ENG31039	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp					K5	K5			S5		S5	S5	S4	A5	A5	S5		S5		C5	C5	C5	C5	C5

- **Kiến thức (K): K2:** Biết/Nhớ; **K3:** Hiểu; **K4:** Áp dụng/Phân tích; **K5:** Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo (*Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001*);
- **Thái độ (A): A2:** Tiếp nhận; **A3:** Hồi đáp/Phản ứng; **A4:** Chấp nhận giá trị; **A5:** Tô chức/Ứng xử (*Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973*);
- **Kỹ năng (S): S1:** Nhận thức/Bắt chước; **S2:** Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; **S3:** Thuần thực/Chính xác; **S4:** Thành thạo kỹ năng phức tạp/Hoàn thiện thứ tự hoạt động; **S5:** Sáng chế/Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới (*Ref: Simpson, 1972; Dave, 1975*).
- **Năng lực (C): C3:** Vận dụng; **C4:** Phân tích; **C5:** Đánh giá.

PHỤ LỤC 4: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Bảng phụ 4.1. Rubric 1 - Đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	Tham gia 100% các buổi học	Tham gia trên 80% các buổi học	Tham gia 80% các buổi học	Tham gia dưới 80%
Mức độ tham gia học tập và/hoặc làm dự án (5 điểm)	- Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, làm dự án - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập.	- Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, làm dự án. - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	- Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học, làm dự án - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	- Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học, làm dự án - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng phụ 4.2. Rubric 2 - Đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)

Các tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2,0	1,5	1,0	0
1. Nhận nhiệm vụ (2 điểm)	Xung phong nhận nhiệm vụ	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao	Không nhận nhiệm vụ
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm (2 điểm)	- Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	- Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	- Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	- Không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Tôn trọng ý kiến tập thể (2 điểm)	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân	Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ	Không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng.

	những lí do chính đáng.	và bảo vệ những lí do chính đáng.	những lí do chính đáng.	
4. Kết quả làm việc (2 điểm)	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn.
5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung (2 điểm)	Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung.	Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng phụ 4.3. Rubric 3 - Đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá)

(1) Nội dung (chiếm 50% số điểm): - Xác định được vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lí; - Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu; - Có bằng chứng về việc sử dụng tài liệu do giảng viên hướng dẫn.	Đạt 3 yêu cầu	10
	- Đạt yêu cầu 1 và 2 hoặc 3 - Đạt yêu cầu 2 và 3 và yêu cầu 1 đạt từ 80% trở lên	8
	- Đạt yêu cầu 1 nhưng 1 và 2 không đạt	5-7
(2) Hình thức (chiếm 30% số điểm): - Cấu trúc bài viết logic, hệ thống; - Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, không quá dài so với quy định của giảng viên; - Trình bày đẹp, hình ảnh, bảng biểu minh họa phù hợp.	Đạt 3 yêu cầu	10
	- Đạt yêu cầu 1 và 2 hoặc 3 - Đạt yêu cầu 2 và 3 và yêu cầu 1 đạt từ 80% trở lên	8
	- Đạt yêu cầu 1 nhưng 1 và 2 không đạt	5-7
(3) Thời gian nộp bài (chiếm 20% số điểm)	Đúng thời hạn	10
	Không đúng thời hạn	0

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM CHO TỪNG SV

TT	Họ và tên	Điểm cá nhân do nhóm chấm (Rubric 2)	Điểm nhóm do GV chấm (Rubric 3)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	(N+M)/2
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

Bảng phụ 4.4. Rubric 4 - Đánh giá giáo án

LESSON PLAN RUBRIC

	Exceeds Expectation	Meets Expectations	Needs Improvement	Does Not Meet Expectations	Points Earned
Purpose-Goals 10 points	Matched and clearly connected to KS Standards; Major concepts and assumptions of learning are developmentally appropriate (10-9 points)	Matched but not clearly connected to KS standards; Most concepts and assumptions of learning are developmentally appropriate (8-6)	Not adequately matched or connected to KS Standards; Concepts and assumptions of learning are sometimes not clear or not listed (5-3)	Not matched or connected to KS Standards; Concepts and assumptions of learning are not clear or not listed (2-0)	
Objectives * Subject matter knowledge, skills and application Reasoning ability 20 points	Objectives are obviously observable and measurable; Clearly stated application of subject matter knowledge and skills; Includes the three domains; cognitive, affective, psychomotor – across all reasoning levels; lower, middle, high (20-19 points)	Objectives are somewhat observable and measurable ; Stated application of subject matter knowledge and skills; Some domains are included, but not all three or not across all levels (17-15)	Objectives are either not observable or not measurable; Minimal application of subject matter knowledge and skills; Domains and levels are addressed limitedly (14-8)	Objectives are not observable and also are not measurable; Application of subject matter knowledge and skills not evident; Domains and levels are not addressed (14-0)	
Anticipatory Set 5 points	Lesson is creatively opened by tapping interest & prior knowledge, and procedures are described (5-4 points)	Some attempt to open lesson by tapping interest & prior knowledge, and describe procedures (3-2)	Limited attempt to tap interest & prior knowledge, and describe procedures (1)	Does not tap interest & prior knowledge, and describe procedures (0)	
Procedures 20 points	Detailed all content and resources required for instruction; Includes a variety of teaching strategies using Multiple; Intelligences theory; Used multiple methods or inquiry for student learning incorporating Bloom's taxonomy; effective use of technology (20-18 points)	Detailed some content required for instruction; Some teaching strategies included with use of MI theory; Some methods of student inquiry listed; some open ended questions included; appropriate use of technology (17-15)	Limited details provided to teach content; Teaching strategy not clear or MI theory not evident; Limited methods of student inquiry used; lower level questioning; some use of technology (14-12)	Details are not provided to teach content; Teaching strategy not clear or MI theory not evident; Methods of student inquiry not evident; lower level questioning; limited use of technology (11-0)	
Special Accommodations 20 points	Specific strategies designed to promote success for all students based on Time-Circumstances, Tasks, Communication, Response Modes; Differentiated Instruction clearly evident (20-18 points)	Strategies designed to allow success for most students based on Time-Circumstances, Tasks, Communication, Response Modes; Some Differentiated Instruction evident (17-15)	Some strategies not specific enough to support student learning based on Time-Circumstances, Tasks, Communication, Response Modes; Limited evidence of Differentiated Instruction (14-12)	Strategies not specific enough to support student learning based on Time-Circumstances, Tasks, Communication, Response Modes; No evidence of Differentiated Instruction (11-0)	
Closure 5 points	Summary provided to reinforce learning and link to future learning (5-4 points)	Some summary provided to reinforce learning (3-2)	Limited use of summary to reinforce learning (1)	Summary not evident or does not reinforce learning (0)	
Assessment 20 points	Appropriate and connected to all objectives Specific description of both formative and summative assessments; Details at least two different ways to represent learning; e.g. concept map, quiz, reflective response (20-18 points)	Appropriate; connected to some objectives; Plans for both formative and summative assessment; States at least two different ways to represent learning; e.g. concept map, quiz, reflective response (17-15)	Connected to objectives to a limited degree; Plans for either formative or summative assessment; States one way to represent learning; e.g. concept map, quiz, reflective response (14-12)	Not connected to objectives or not appropriate; Does not include plans for either formative or summative assessment; Does not include any ways to represent learning (11-0)	
*Objectives are evaluated in each education course as specific to requirement and content.				Total Points Earned:	

Bảng phụ 4.5. Rubric 5 - Đánh giá thực hành giảng dạy

Tiêu chí		Yêu cầu	% Điểm
Tiêu chí 1: Chuyên cần, thái độ	Chuyên cần	Rubric 1	5%
	Thái độ		5%
Tiêu chí 2: Chuẩn bị bài	Chuẩn bị bài	<i>Sinh viên chuẩn bị giáo án tương ứng cho mỗi bài thực hành</i>	10%
Tiêu chí 3: Kỹ năng thực hành giảng dạy	Thành lập nhóm và tổ chức hoạt động nhóm	Rubric 2 và 3	10%
	Kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học	Rubric 6	60%

Bảng phụ 4.6 Rubric 6 - Đánh giá bài tập giảng

SCORING RUBRIC FOR MICROTEACHING

Category	Excellent (9-10)	Good (7-8)	Sufficient (5-6)	In progress (under 5)
Clarity and organization	Concise, measurable purpose/objectives embedded in content/context; Tasks achievable in specified timeframe; All parts of the lesson plan are included	Objectives may lack an essential element; Lesson contains most elements of lesson plan, but order of tasks are in question	Objectives lack several elements; Lesson was not well organized to ensure maximum learning	The lesson in general was not effective; Lacked several lesson phases
Use of teaching concepts/theories	Standards reflected, demonstrates clear knowledge and use of a variety of theories and methods appropriately chosen for the class	Theories are present and effective but a variety is lacking	Theories are present but not used effectively and are limited in variety	Theories are sparsely used (if at all)
Lesson inclusive of context applications	'Real life' context, meaningful applications, schemata, engaging questions, related to other material/concepts, authentic material	Context is present, questions are present, but choice in questions/context are not necessarily relatable/memorabile	Some context but little application to real life situations (questions with no purpose-lack of communicative planning)	Little to no context application
Engaging students	Appropriate pace, comprehension checks, relating to students, appropriate for level,	Some modes of communication are used, pace or level may be	Comprehension checks too few or are not effectively	Very few (or no) comprehension checks,

	interaction between teacher and student/student and student, all modes of communication are used	slightly off, comprehension checks are regular but don't accurately gauge learning	used; Interaction and modes of communication are lacking	little to no interaction, no variety in modes of communication
Delivery and Presentation	Good voice, assertiveness, confidence, eye-contact, 'with-it-ness' factor, enthusiasm, good body language, smooth transitions, professional appearance	Confidence, some eye-contact, may have used L1 occasionally, not entirely 'with-it' for entire class,	Is confident, but may be lacking assertiveness, L1 is present, authentic and meaningful material are not presented, presentation is clearly too short/too long	Not confident, extensive use of L1, is not assertive for most of the class, non-effective visuals
Instructional Skills	Exclusive L2; Authentic visuals; within time limit and uses time effectively; Authentic and meaningful material is used; Objectives clearly stated; Integration of all modes of communication; Appropriate assessment; variety of methods and strategies	Predominant use of L2; some variety of methods; Objectives not embedded in content; Timing appropriate; <i>May lack some of the items noted in excellent column</i>	Use of L2 not sustained; Lesson not embedded in meaningful tasks or content; Objectives do not clearly reflect the lesson; One mode of communication is dominant; Lack of variety of methods and approaches	Little use of L2; Tasks lack context and content; Objectives do not drive the tasks; Assessment of student comprehension lacking; Little if any variety of tasks/methods

Bảng phụ 4.7 Rubric 7a - Đánh giá bài thuyết trình

ORAL PRESENTATION RUBRIC

Category	4	3	2	1	score
Content	Shows a full understanding of the topic.	Shows a good understanding of the topic.	Shows a good understanding of parts of the topic.	Does not seem to understand the topic very well.	
Comprehension	Student is able to accurately answer almost all questions posted by classmates about the topic.	Student is able to accurately answer most questions posted by classmates about the topic.	Student is able to accurately answer a few questions posted by classmates about the topic.	Student is unable to accurately answer questions posted by classmates about the topic.	

Clear speech and pronunciation	Speaks clearly and distinctly all (90-100%) the time, and mispronounces 1, or 2 words.	Speaks clearly and distinctly most (70-89%) the time, but mispronounces 3, 4, or 5 words.	Speaks clearly and distinctly about 50-69% of the time. Mispronounces no more than 6 words.	Often mumbles or cannot be understood OR mispronounces more than 6 words.	
Enthusiasm	Facial expressions and body language generate a strong interest and enthusiasm about the topic with the others.	Facial expressions and body language sometimes generate a strong interest and enthusiasm about the topic with the others.	Facial expressions and body language are used to try to generate enthusiasm, but seem somewhat pretended.	Very little use of facial expressions or body language. Did not generate much interest in topic being presented.	
Preparedness	Student is completely prepared and has fully rehearsed.	Student seems pretty prepared but might have needed a couple more rehearsals.	The student is somewhat prepared, but it is clear that rehearsal was lacking.	Student does not seem at all prepared to present.	
Total score					<u> </u> / 20

18-20: Excellent, 16-17: Good, 13-15: Satisfactory, 10-12: Unsatisfactory, <10 redo is required

(Adapted from <http://rubistar.4teachers.org/index.php?screen=CustomizeTemp>)

Bảng phụ 4.7 Rubric 7b - Đánh giá bài thuyết trình (HP Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh)

SCORING RUBRIC FOR ORAL PRESENTATION

Category	Scoring criteria	Maximum score	Score
Content (70 points)	1. The history of English language teaching is explained clearly.	15	
	2. The background of the approach/method is well-presented.	15	
	3. The features of the approach/method are provided with specific examples.	15	
	4. The procedure is provided with relevant examples.	15	

	5. The principles of the approach/method are well-explained and exemplified.	15	
Organization (20 points)	1. The opening statement gained the audience's attention.	4	
	2. The main ideas were stated clearly and logically.	4	
	3. A variety of supporting points were presented to explain the main ideas.	4	
	4. The organization of the presentation was easy to follow.	4	
	5. The conclusion adequately summed up the main points.	4	
Interaction (10 points)	1. The presenter can solicit questions and provide satisfactory responses.	5	
	2. The presenter can demonstrate a feature/ principle when required.	5	
Total score		100	

Bảng phụ 4.8. Rubric 8 - Rubric đánh giá kỹ năng thuyết trình và slide trình chiếu (GV đánh giá nhóm)

Tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2.0	1.5	1.0	0.5 – 0
1. Nội dung trình bày (2 điểm)	Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật.	Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật.	Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật.	Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật.
2. Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu) (2 điểm)	- Hình thức trình bày tốt (<i>hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn</i>); sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung. - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả.	- Hình thức khá tốt (<i>hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn</i>); sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung. - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả.	- Hình thức chưa tốt (<i>hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông</i>); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung. - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả.	- Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu (<i>không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn</i>); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung. - Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả.

3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ (2 điểm)	- Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe. - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lý và tự nhiên.	- Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe. - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên.	- Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe. - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên.	- Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe. - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể.
4. Tương tác với khán giả (2 điểm)	- Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả (<i>nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả</i>). - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích.	- Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả. - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác.	- Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả. - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả.	- Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả. - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả.
5. Quản lý thời gian & hợp tác nhóm (2 điểm)	- Thời gian trình bày đúng thời gian quy định. - Phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.	- Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút). - Phân chia công việc khá hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.	- Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút). - Phân chia công việc chưa hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và ít có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.	- Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên). - Phân chia công việc không hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và dường như không sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)				

Bảng phụ 4.9. Cách tính điểm đánh giá kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm và thuyết trình cho từng SV

TT	Họ và tên	Điểm cá nhân do nhóm chấm (bảng 7)	Điểm nhóm do GV chấm (bảng 8)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	(N+M)/2
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

Bảng phụ 4.10 (a) Rubric 9 (a) - Đánh giá dự án học phần

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
Tiến độ	1,0	0,5	0	-

(1 điểm)	Đúng thời gian quy định	Không đúng thời gian quy định	Không có sản phẩm nộp	-
Minh chứng (2 điểm)	2	1,5	1,0	0
	Có đầy đủ minh chứng đã làm thực nghiệm của đề án (ảnh chụp sinh viên đang thực hiện đề án và các kết quả của từng bước)	Thiếu gần 1/2 minh chứng đã làm thực nghiệm của đề án (ảnh chụp sinh viên đang thực hiện đề án và các kết quả của từng bước)	Thiếu từ 0-1/2 trở minh chứng đã làm thực nghiệm của đề án (ảnh chụp sinh viên đang thực hiện đề án và các kết quả của từng bước)	Không có minh chứng
Hình thức của sản phẩm (1 điểm)	1.0	0,75	0,5	0,25
	- Cấu trúc bản báo cáo, ảnh và bảng đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp và phù hợp.	- Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh họa nhưng chưa thực sự phù hợp.	- Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.	- Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.
Trình bày (1 điểm)	1.0	0,75	0,5	0,25
	Ngôn ngữ khoa học, diễn đạt rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề	Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề,	Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt chưa rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề,	Chưa biết cách sử dụng ngôn ngữ khoa học và diễn đạt vấn đề
Nội dung bản báo cáo word (4 điểm)	4,0-3,0	3,0-2,0	2,0-1,0	0,5-0
	- Trình bày đúng tất cả kết quả của đề án. - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác - Có so sánh với các nghiên cứu khác. - Có đưa ra phương hướng phát triển sản phẩm	- Trình bày đúng từ ½ trở lên các kết quả của đề án - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác - Có so sánh với các nghiên cứu khác. - Có đưa ra phương hướng phát triển sản phẩm	- Trình bày đúng ít hơn ½ các kết quả của đề án - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác - Có so sánh với các nghiên cứu khác. - Có đưa ra phương hướng phát triển sản phẩm	- Trình bày sai các kết quả nghiên cứu
Báo cáo sản phẩm (1 điểm)	1,0	0,75	0,5	-
	Báo cáo rõ ràng, chủ động, bản trình chiếu hợp lý	Báo cáo rõ ràng, chủ động, bản trình chiếu chưa hợp lý	Báo cáo không rõ ràng, chủ động, bản trình chiếu chưa hợp lý	-
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ)				

Bảng phụ 4.10 (b) Rubric 9 (b) - Đánh giá dự án học phần

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Số lượng và hình thức của sản phẩm (2 điểm)	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, có hình ảnh minh họa phù hợp.	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh họa nhưng chưa thực sự phù hợp.	- Thiếu 1 sản phẩm. - Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.	- Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên. - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bản báo cáo (8 điểm)	- Trình bày đầy đủ và rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó. - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và đề xuất một số giải pháp khả thi. - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra	- Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày đầy đủ nhưng chưa chi tiết các nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét các nội dung đó nhưng chưa chi tiết. - Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và một đề xuất một số giải pháp nhưng chưa thực sự khả thi. - So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh	- Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày chưa đầy đủ, và không chi tiết các nội dung đã tìm hiểu, có nhận xét các nội dung đó nhưng sơ sài. - Đưa ra được một số định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực nhưng chưa đề xuất được giải pháp. - So sánh với kế hoạch đã lập ra, nhưng chưa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong	- Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày thiếu nhiều nội dung đã tìm hiểu và không nhận xét các nội dung đó. - Đưa ra được rất ít định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và không đề xuất được giải pháp. - Không so sánh với kế hoạch đã lập ra, và không

	được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị cụ thể	kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có các đề xuất, kiến nghị nhưng chưa thực sự cụ thể.	tương lai; có đề xuất, kiến nghị nhưng chưa cụ thể.	rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; không có đề xuất, kiến nghị.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (<i>bằng chữ:</i>)				